|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNHUYỆN LẠNG GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do – Hạnh phúc**  |
| Số: /BC-UBND **DỰ THẢO** |  *Lạng Giang, ngày tháng 9 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới**

**của huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2019**

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, sau 9 năm triển khai thực hiện, huyện Lạng Giang đã đạt được nhiều kết quả nổi bật. Hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến tích cực, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, an ninh trật tự xã hội được giữ vững ổn định; UBND huyện Lạng Giang báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của huyện giai đoạn 2011 - 2019 cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG**

**1. Vị trí địa lý, dân số:** Huyện Lạng Giang là huyện miền núi, nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang, có vị trí là cửa ngõ nối liền các tỉnh phía Đông Bắc với thành phố Bắc Giang, diện tích tự nhiên là 24.401,91 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 75,58%, đất phi nông nghiệp chiếm 24%. Toàn huyện có 23 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 21 xã và 2 thị trấn), trong đó thị trấn Vôi là trung tâm hành chính của huyện. Dân số toàn huyện là 207.408 người (Số liệu tính đến ngày 30/6/2019), trong đó người trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 63,4%. Đảng bộ huyện có 44 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện uỷ với 8.233 đảng viên, trong đó có 29 Đảng bộ trực thuộc (23 đảng bộ xã, thị trấn, 6 đảng bộ khối cơ quan), 15 chi bộ trực thuộc Huyện ủy; 416 chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở (trong đó có 284 chi bộ thôn, khu phố). Ranh giới hành chính huyện: Phía Bắc giáp huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn) và huyện Yên Thế; phía Nam giáp thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng; phía Đông giáp huyện Lục Nam; phía Tây giáp huyện Tân Yên.

Huyện Lạng Giang có vị trí địa lý tương đối thuận lợi: Có một số trục đường giao thông quan trọng của Quốc gia chạy qua (đường bộ, đường sắt, đường thủy): Quốc lộ 1A (Bắc Giang-Lạng Sơn), đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, Kép - Hạ Long. Lạng Giang là 1 trong 4 huyện, thành phố của tỉnh được xác định là trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội, trung tâm huyện cách không xa các khu công nghiệp đô thị lớn của "Tam giác kinh tế phát triển " Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (nơi tập trung tiềm lực khoa học kỹ thuật của cả nước, đầu mối giao lưu kinh tế, khoa học, công nghệ và thu hút đầu tư của cả nước, nơi tập trung đông dân cư, với tốc độ đô thị hóa nhanh sẽ là thị trường tiêu thụ lớn về nông sản hàng hóa và các hàng tiêu dùng khác).

**2. Địa hình:**Địa hình huyện Lạng Giang có cả đồi núi và đồng bằng có thể chia thành 3 dạng chính: Địa hình vùng cao, địa hình vùng thấp và dạng địa hình vùng đồng bằng đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, phát triển một nền nông nghiệp phong phú.

**3. Tài nguyên:** Huyện Lạng Giang có các loại tài nguyên: Tài nguyên đất, nguồn nước mặt, tài nguyên rừng. Với 4 nhóm đất khác nhau: Phù sa, xám bạc màu, thung lũng, đất đỏ vàng,...phù hợp với nhiều loại cây trồng như lúa, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, lâm nghiệp. Tận dụng nguồn nước mặt của Sông Thương và ngòi Bừng, ngòi Quất Lâm chảy qua địa phận và trên 2.130 ha mặt nước hồ, đập, ao nhỏ đáp ứng được nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân trong huyện. Toàn huyện có 2.265,32 ha rừng, trong đó diện tích rừng sản xuất 1.133 ha, rừng tái sinh tự nhiên 500 ha.

**4. Văn hoá - xã hội:** Lạng Giang là huyện có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với gần 230 công trình tín ngưỡng khác nhau như: Đình, đền, chùa, miếu, văn chỉ… Trong đó 19 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 86 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Tiêu biểu như: Đình Phù Lão, Đình Trừng Hà, xã Đào Mỹ; cụm Đình, Đền, Chùa và cây Dã Hương nghìn năm tuổi, xã Tiên Lục; Đình Am, Nhà thờ và mộ Phạm Văn Liêu, xã Xuân Hương; Chùa Thông, Văn chỉ Bằng, xã Nghĩa Hòa; .... Hiện Lạng Giang vẫn duy trì được nhiều câu lạc bộ văn nghệ mang tính đặc trưng của huyện như: Hát cúng Then (thôn Cần Cốc), hát Soọng Cô (thôn Cẩy) xã Hương Sơn; Quan họ ở thôn Phú Độ xã Phi Mô, phố Vôi, thị trấn Vôi,...; câu lạc bộ chèo xã An Hà và thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm; câu lạc bộ Violon (làng Then) xã Thái Đào. Các lễ hội được cộng đồng dân cư bảo tồn và phát huy, tiêu biểu như lễ hội Bừng (xã Tân Thanh), lễ hội Tiên Lục (xã Tiên Lục),… thu hút đông đảo nhân dân và khách thập phương thăm quan.

**5. Phát triển kinh tế:** Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu năm 2018 (theo giá cố định năm 2010) đạt 11.097,1 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu đạt 17,4%, trong đó: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 4.870,8 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 20,3%; giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 2.348 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 6%; giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 4.722 tỷ, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 21,5%. Tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 7.500 tỷ đồng, đạt 180,7% kế hoạch. Trên địa bàn huyện có 07 cụm công nghiệp với 11.000 lao động, thu nhập bình quân khoảng 5 triệu đồng/người/tháng.

**II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Văn bản của Trung ương**

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới;

- Quyết định số 342/QĐ/-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 676/QĐ/-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Các văn bản khác của các cơ quan, các bộ, ngành Trung ương có liên quan tới công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**2. Văn bản của tỉnh Bắc Giang**

- Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020;

- Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

- Kế hoạch 45/KH-UBND ngày 16/9/2011 UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

- Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND, ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 3762/KH-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020;

- Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**3. Văn bản của huyện Lạng Giang**

- Nghị quyết số 176-NQ/HU ngày 8/9/2011 Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới đến năm 2020;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 26/6/2015 của Ban Chấp hành Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XXI nhiệm kỳ 2015-2020;

- Kế hoạch số 09-KH/HU ngày 22/12/2015 của Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lạng Giang giai đoạn 2016-2020;

- Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 17/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về xây dựng huyện Lạng Giang đạt huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 42/KH-BCĐ ngày 10/4/2011 của BCĐ xây dựng nông thôn mới huyện về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM 5 năm (giai đoạn 2011-2015) trên địa bàn huyện;

- Các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**III. ĐÁNH GIÁ**

**1. Thuận lợi**

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn có tính chiến lược của Đảng, Nhà nước đã được nhân dân đồng tình, hưởng ứng tích cực và được cả hệ thống chính trị vào cuộc quyết liệt nhằm thực hiện thành công Nghị quyết số 26-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X nông nghiệp, nông dân, nông thôn; ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình với đời sống của người dân nông thôn và với phát triển kinh tế xã hội nên huyện Lạng Giang xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**-** Là huyện có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong vùng ảnh hưởng của vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gắn với hành lang phát triển kinh tế trên tuyến Quốc lộ 1 Hà Nội - Lạng Sơn, các yếu tố đó là điều kiện thuận lợi cho huyện Lạng Giang trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa, lưu thông hàng hóa và là điểm đến cho các doanh nghiệp vào đầu tư, là cơ hội cho phát triển nền kinh tế đa dạng cả công nghiệp, dịch vụ thương mại và nông nghiệp. Huyện Lạng Giang là huyện có truyền thống cách mạng, truyền thống văn hoá lâu đời; người dân có truyền thống giầu lòng yêu nước, cần cù, chịu khó, chủ động, sáng tạo. Đảng bộ và nhân dân huyện Lạng Giang đều đoàn kết, đồng lòng, ổn định về chính trị là yếu tố quan trọng, là tiềm lực to lớn để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

- Trong những năm qua tình hình kinh tế - xã hội của huyện Lạng Giang tiếp tục có những bước phát triển. Cơ cấu giá trị sản xuất tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tính đết hết năm 2018, tỷ trọng nông, lâm, thuỷ sản chiếm 22,32%; công nghiệp - xây dựng tăng chiếm 43,88%; dịch vụ chiếm 33,8%, thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 54 triệu đồng/người/năm. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, khởi sắc. Trên cơ sở những điều kiện thuận lợi, cũng như phát huy được những tiềm năng lợi thế của địa phương đã giúp cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong huyện huy động được nhiệu nguồn lực, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy thương mại dịch vụ phát triển, tạo điều kiện hiệu quả cho công cuộc xây dựng nông thôn mới.

- Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, huyện Lạng Giang luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban ngành của tỉnh; sự đồng thuận cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở và nhân dân trên địa bàn.

- UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành một số cơ chế hỗ trợ và triển khai nhiều chương trình, đề án, dự án về phát triển kinh tế, nông nghiệp, nông thôn (như hỗ trợ xi măng cứng hóa đường giao thông nông thôn, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất, xây dựng nhà màng, nhà lưới, hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp) tạo điều kiện cho huyện Lạng Giang phát triển kinh tế - xã hội.

**2. Khó khăn**

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ đảng viên và nhân dân chưa đầy đủ, nên trong giai đoạn đầu triển khai xây dựng nông thôn mới còn lúng túng trong chỉ đạo, triển khai.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra nhanh dẫn đến sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động, gây ra tình trạng thiếu hụt lao động tại các khu vực nông thôn, đặc biệt là lao động có trình độ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường, chênh lệch thu nhập giữa nông thôn, thành thị, vấn đề về đạo đức xã hội, tệ nạn xã hội có nhiều nguy cơ tiềm ẩn cao.

 - Nhu cầu kinh phí đầu tư cho chương trình xây dựng nông thôn mới rất lớn, trong khi ngân sách của địa phương còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật mặc dù được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp nhưng chưa thực sự đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nhất là đối với các xã vùng cao, vùng trũng của huyện.

 - Tuy lực lượng lao động lớn nhưng chất lượng lao động còn hạn chế.

 - Ruộng đất trên địa bàn huyện còn manh mún, khó khăn trong việc tập trung đất đai, để hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

**Phần thứ hai**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**I. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

 - Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt. Để thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Lạng Giang đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành nghị quyết lãnh đạo; HĐND huyện ban hành nghị quyết về cơ chế hỗ trợ, UBND huyện ban hành các kế hoạch, quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện, phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy chính quyền địa phương; thành lập các Tổ công tác chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng nông thôn mới đối với các xã giao đạt chuẩn theo từng năm; tổ chức hội nghị, quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh; triển khai kế hoạch của UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện. Chỉ đạo UBND các xã (21/21 xã) thành lập Ban quản lý xây dựng NTM cấp xã và các thôn trên địa bàn 21 xã thành lập tiểu ban quản lý cấp thôn. Hàng năm, Ban chỉ đạo cấp huyện và ban quản lý cấp xã thường xuyên củng cố, kiện toàn để đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn.

 - UBND huyện, Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã ban hành các kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; trong đó tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã thực hiện rà soát đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo 21/21 xã xây dựng quy hoạch và đề án nông thôn mới theo quy định làm căn cứ triển khai thực hiện. Hàng năm, trên cơ sở kết quả rà soát toàn huyện đã lựa chọn đưa các xã có điều kiện, các tiêu chí đánh giá chưa hoàn thành còn ít, để phấn đấu hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trước, đối với các xã còn lại huyện chỉ đạo yêu cầu hàng năm các xã đăng ký phấn đấu đạt thêm từ 1-2 tiêu chí hoặc một số nội dung trong các tiêu chí. Việc phân kỳ, xác định lộ trình từng xã theo từng năm, từng giai đoạn được xây dựng khoa học, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra và giúp cho huyện cân đối nguồn thu ngân sách, có cơ chế hỗ trợ kịp thời cho các xã.

 - Trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, ban, ngành cấp huyện tích cực trong công tác kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở trong tổ chức thực hiện. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã tổ chức giao ban với các xã xây dựng NTM để kịp thời nắm bắt tình hình tiến độ triển khai ở cơ sở và tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Phân công các thành viên Ban chỉ đạo huyện hàng tháng xuống cơ sở được phụ trách để đôn đốc, hướng dẫn theo lĩnh vực được phân công.

 - Chỉ đạo các ngành đoàn thể xây dựng kế hoạch nhận một việc làm cụ thể để triển khai xuống cơ sở tham gia trong xây dựng nông thôn mới. Đồng thời chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, cụ thể: Giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng chuyên mục chung sức xây dựng NTM trong các bản tin sinh hoạt chi bộ hàng tháng; Đài Truyền thanh huyện (nay sáp nhập thành Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao) phối hợp với Ban chỉ đạo huyện, Ban Quản lý các xã thường xuyên cập nhật thông tin tăng thời lượng phát các tin bài về tình hình, tiến độ, kết quả xây dựng NTM trên địa bàn, kịp thời phản ánh đưa tin những nơi làm tốt, những cách làm hay sáng tạo, những cá nhân đơn vị có nhiều thành tích trong xây dựng nông thôn mới; Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở; làm tốt chức năng giám sát cộng đồng. Thực hiện phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*; cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*. Ban thanh tra nhân dân các xã đã phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới.

- Đối với việc phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới cấp huyện: Huyện Lạng Giang phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020 theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 26/6/2015 của Ban Chấp hành Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XXI nhiệm kỳ 2015-2020. Trong quá trình triển khai thực hiện, Huyện ủy, UBND huyện Lạng Giang đã chỉ đạo toàn thể hệ thống chính trị quyết tâm tập trung hoàn thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 sớm hơn 01 năm so với mục tiêu Đại hội và được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

*(Kèm theo phụ lục 01: Các văn bản hướng dẫn chỉ đạo thực hiện)*

**2. Công tác tuyên truyền, đào tạo tập huấn**

***2.1. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân***

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách và Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở quan tâm triển khai, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên hội viên và các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng về nội dung, phong phú, sáng tạo về hình thức để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn nhận thức sâu sắc hơn về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cụ thể từ năm 2011 đến nay đã dựng 1.672 panô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền; biên tập và phát sóng trên 1.200 tin bài trên sóng truyền hình, phát thanh và truyền thanh về tuyên truyền nông thôn mới;biên soạn, phát hành các loại (tài liệu, thư ngỏ,...); Tổ chức 04 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh bạn, huyện bạn và tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, hội thi tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới thông qua phong trào, cuộc vận động: *“Lạng Giang chung sức xây dựng nông thôn mới”*; ‘‘*Toàn dân đoàn kết xây dựng xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh* ”; *“Chủ nhật xanh”;* *“5 không, 3 sạch”…*, góp phần vào thực hiện hiệu quả phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2020. Nhân dân trên địa bàn huyện đã tự nguyện trả lại 741.194 m2 đất, đóng góp 83.337 ngày công để tham gia xây dựng công trình hạ tầng nông thôn.

***2.2. Công tác đào tạo, tập huấn***

- Chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, thực hiện đề án cho đội ngũ cán bộ các cấp. Từ năm 2011 đến nay đã cử trên 1.300 lượt cán bộ thực hiện Chương trình của huyện, của xã và các thôn tham gia các lớp tập huấn của Trung ương, của tỉnh. Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 17 lớp tập huấn cho 1.570 học viên là cán bộ các ngành, các tổ chức đoàn thể, cán bộ cấp xã, thôn về các nội dung: Tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới; công tác lập, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới; công tác dồn điền đổi thửa, gắn với chỉnh trang đồng ruộng; công tác huy động nguồn lực; công tác lập hồ sơ đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn về đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất như: Phát triển các giống lúa chất lượng cao, mô hình cấy lúa bằng máy, kỹ thuật chăm sóc cây trồng và các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật chăn nuôi và phòng trừ bệnh, kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý môi trường, các biện pháp sản xuất an toàn sinh học bền vững,...

***2.3. Công tác thi đua, khen thưởng***

- Phong trào thi đua *"Lạng Giang chung sức xây dựng nông thôn mới"* được phát động, tổ chức thực hiện sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trong huyện tạo chuyển biến tích cực, qua đó khuyến khích các tập thể, cá nhân đăng ký thực hiện các mô hình hay, các sáng kiến, giải pháp mới trong xây dựng nông thôn mới. Kịp thời phát hiện, xây dựng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, tiến hành sơ kết, tổng kết, động viên, khen thưởng kịp thời, qua đó rút kinh nghiệm, phổ biến nhân rộng trong toàn huyện.

- Từ năm 2011 đến năm 2019, hàng năm huyện đã tổ chức phát động các đợt thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung phát động thi đua cao điểm nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập huyện Lạng Giang (25/3/1948-25/3/2018), gắn với các ngày lễ lớn của Đảng, dân tộc được đông đảo các tầng lớp nhân dân, cấp ủy, chính quyền các cấp, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia.

- Với các kết quả đạt được đã góp phần thực hiện đồng bộ và đạt hiệu quả cao Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; nhiều tiêu chí đạt được có chất lượng, đạt mức cao so với yêu cầu. Qua đó, Hội đồng thi đua khen thưởng huyện đã tiến hành đánh giá, đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng trung ương, Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh khen thưởng nhiều tập cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới. Trong đó:

+ Tập thể cán bộ và nhân dân huyện Lạng Giang đã được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen vì có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015;

 + Tập thể cán bộ và nhân dân xã Tân Thịnh được tặng Bằng khen có thành tích trong xây dựng nông thôn mới *(Tân Thịnh là 01 trong 11 xã điểm của cả nước thực hiện Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới của Ban Bí thư Trung ương Đảng);*

+ Tập thể cán bộ và nhân dân xã Tân Hưng đã được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 01 cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; 10 tập thể và 24 cá nhân trong xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; 03 hộ gia đình được nhận thư khen của Chủ tịch UBND tỉnh vì có thành tích trong hiến đất làm đường; 142 tập thể và 358 cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, rộng khắp; hiệu quả rõ ràng, thường xuyên được đánh giá, khen thưởng kịp thời là một trong những yếu tố quan trọng trong việc giúp cho chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đạt được kết quả đề ra.

**3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

***3.1. Về huy động nguồn vốn***

Tổng kinh phí thực hiện đến thời điểm tháng 6/2019 là 1.901,803 tỷ đồng.

 Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 131,160 tỷ đồng, chiếm 6,9%;

- Ngân sách tỉnh: 328,373 tỷ đồng, chiếm 17,27%;

- Ngân sách huyện: 385,016 tỷ đồng, chiếm 20,24%;

- Ngân sách xã: 267,651 tỷ đồng, chiếm 14,07%;

- Vốn đóng góp của cộng đồng dân cư: 598,603 tỷ đồng, chiếm 31,48%;

- Vốn doanh nghiệp, vốn khác: 191 tỷ đồng, chiếm 10,04%.

***3.2. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn***

- Các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh, UBND huyện phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc mục đích và đối tượng. Ngân sách cấp huyện ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí: Giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa của xã, thôn và đầu tư phát triển sản xuất.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung triển khai có trọng tâm, trọng điểm nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án trên địa bàn huyện. Trong đó ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất, phục vụ dân sinh như: Công trình kiên cố hóa kênh mương, xử lý rác thải, giao thông, trường học,...

- Nguồn vốn của nhân dân đóng góp, nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn khác được thực hiện đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, do người dân tự bàn bạc, quyết định, thực hiện đúng quy chế dân chủ, không áp đặt. Nhân dân trực tiếp quản lý, quyết định đầu tư theo đúng các hạng mục trong Đề án đã được phê duyệt. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do nhân dân đóng góp thông qua các tiểu ban quản lý thôn, ban giám sát đầu tư cộng đồng, qua đó đảm bảo sự đồng thuận trong nhân dân, đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn huyện.

***3.3. Nợ xây dựng cơ bản trong nông thôn mới***

Từ năm 2011 đến nay, huyện đã quyết liệt trong công tác chỉ đạo thực hiện xử lý nợ đọng trong xây dựng cơ bản, chỉ đạo đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Đầu tư công và Chỉ thị của Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện đã đưa ra các giải pháp hành chính kiểm soát chủ trương đầu tư mới, song song với đó, tập trung đầu tư hạ tầng quỹ đất tạo kinh phí chi trả nợ đọng và đầu tư phát triển. Hàng năm, kết quả thu từ đấu giá quyền sử dụng đất đều đạt và vượt dự toán tỉnh giao; từ kết quả đó, cùng với những quyết tâm và nỗ lực trong định hướng, chỉ đạo, UBND huyện đã thực hiện tốt việc xử lý, kiểm soát, hạn chế phát sinh nợ mới. Tính đến thời điểm 30/6/2019 trên địa bàn huyện Lạng Giang không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

 *(Chi tiết tại Báo cáo số /BC - UBND, ngày / 8/2019 của UBND huyện về báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Lạng Giang đến ngày 30/6/2019 kèm theo hồ sơ)*

**II. SỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 21 xã;

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

+ Trong giai đoạn 2011-2015: 6 xã.

+ Trong giai đoạn 2016 đến tháng 8/2019: 15 xã.

- Tỷ lệ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới: 21/21 xã, đạt tỷ lệ 100%

*(Kèm theo Phụ lục 02: Các xã được công nhận đạt chuẩn theo năm).*

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI** *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch**

Công tác quy hoạch nông thôn mới đã được huyện chỉ đạo hoàn thành theo đúng kế hoạch đã đề ra, đến hết năm 2012 toàn bộ các xã trên địa bàn huyện đã được phê duyệt quy hoạch nông thôn mới. Trong đó: Năm 2010 là 02 xã: Xương Lâm, Tân Hưng; năm 2011 là 15 xã: An Hà, Tân Dĩnh, Yên Mỹ, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Quang Thịnh, Tiên Lục, Mỹ Hà, Đào Mỹ, Thái Đào, Phi Mô, Đại Lâm, Mỹ Thái, Tân Thanh, Hương Lạc; năm 2012 là 03 xã: Xuân Hương, Dương Đức, Hương Sơn. Sau khi quy hoạch của các xã được phê duyệt huyện đã chỉ đạo các xã phải niêm yết, công khai và tổ chức thực hiện đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Nhìn chung đồ án quy hoạch nông thôn mới ở các xã cơ bản phù hợp sát thực tế có tính khả thi đảm bảo yêu cầu đề ra.

Công tác quản lý quy hoạch cấp xã được được chú trọng; 100% số xã đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch; hàng năm UBND huyện đã chỉ đạo các xã thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại cơ sở do vậy quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các xã trong huyện luôn đạt được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, phù hợp quy hoạch phát triển, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới. Đến nay, đã có 11/21 xã thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch cục bộ xây dựng nông thôn mới, đặc biệt năm 2019 đồng bộ với việc xây dựng Quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các xã còn lại tiến hành rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch để đồng bộ với quy hoạch vùng huyện, góp phần chỉ đạo nâng cao tiêu chí đối với các xã đã về đích nông thôn mới.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 1: Quy hoạch *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**2. Xây dựng cơ sở hạ tầng**

Hàng năm UBND huyện chủ động bố trí một phần ngân sách cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tranh thủ huy động các nguồn vốn của cấp trên, tạo mọi điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đến đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Do đó hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của huyện đã được nâng cấp, cải thiện đáng kể, kết quả nổi bật cụ thể như sau:

***2.1. Giao thông nông thôn***

Từ năm 2011 đến hết tháng 6/2019, toàn huyện đã đầu tư cứng hóa làm mới và mở rộng đường giao thông nông thôn được 1.159,7km, với tổng kinh phí đầu tư là 780,8 tỷ đồng. Kết quả cụ thể:

- Đường trục xã, liên xã đã cứng hóa được 240,5km/242 km *(đạt 99,4%);* các tuyến đường xã trong huyện chủ yếu là đường giao thông nông thôn loại A; 100% đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa, bê tông hóa, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m.

- Đường trục thôn, liên thôn đã cứng hóa được 591,6km/655,4km *(đạt 90,3%)*; cơ bản nền đường rộng tối thiểu 5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thực hiện theo thực tế, bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ, xóm đã cứng hóa 475,9km/559,1 km *(đạt 85,1%)*; nền đường rộng tối thiểu 4,0m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m; các tuyến đã đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục chính nội đồng được lu lèn đất cấp III trở lên, trong đó cứng hóa được 83,6/318 km *(đạt 26,2%)*, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm, không lầy lội vào mùa mưa.

- Tất cả các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện được bảo trì, duy tu thường xuyên, đảm bảo các quy định về kết cấu đường, an toàn giao thông, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; một số tuyến đường có trồng cây xanh, trồng hoa tạo cảnh quan xanh sạch đẹp.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 2: Giao thông *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

***2.2. Thủy lợi***

 - Trong 9 năm qua, huyện đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi đồng bộ, gắn với mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ đó đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo chuỗi liên kết. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động tại các xã đều trên 90%. Tổng số kênh mương do xã quản lý được cứng hoá 391,75 km/753,36 km, đạt tỷ lệ 52%; 100% các xã có tỷ lệ cứng hoá kênh mương đạt trên 50%. Hệ thống kênh mương do xã quản lý được nạo vét hàng năm vào mùa khô; hàng tuần có tổ thu gom rác thải trên kênh, đảm bảo dòng chảy thông thoáng thuận lợi cho công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai trên địa bàn. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, công trình thuỷ lợi, không để các vi phạm mới phát sinh.

- Hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn các xã hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh. 100% các xã đã thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai; xây dựng Phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 3: Thủy lợi *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

***2.3. Điện nông thôn***

Hiện nay, trên địa bàn huyện ngành điện đã trực tiếp quản lý hệ thống điện trên địa bàn 22 xã, thị trấn còn lại 01 xã (Hương Sơn) do HTX nông nghiệp Hương Sơn quản lý. Hệ thống đường dây, trạm biến áp đã được ngành điện thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư cải tạo và nâng cấp đảm bảo 100% các xã, thị trấn đều có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn là 58.656 hộ/58.656 hộ, đạt 100%. Trong giai đoạn từ năm 2011đến nay với sự hỗ trợ từ các nguồn của Trung ương, tỉnh, ngành điện và nguồn vốn của doanh nghiệp thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn nên hạ tầng kỹ thuật điện từng bước được nâng cấp, mở rộng, chất lượng điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ngày càng được cải thiện. Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đều đảm bảo an toàn có hiệu quả như: Dự án REII gốc tại các xã: Yên Mỹ, Hương Sơn, Quang Thịnh, Mỹ Hà và REII mở rộng tại các xã: Phi Mô, Nghĩa Hưng với tổng kinh phí khoảng 28,9 tỷ đồng; dự án nâng cao năng lượng nông thôn tỉnh Bắc Giang bằng vốn vay Ngân hàng Tái thiết Đức với tổng kinh phí 43 tỷ đồng; các dự án chống quá tải do ngành điện đầu tư, nâng cấp với tổng kinh phí khoảng 53 tỷ đồng; dự án xây dựng đường dây 110KV và trạm biến áp Tân Thịnh với tổng kinh phí khoảng 70 tỷ đồng. Toàn huyện đã đầu tư xây dựng mới 203 trạm biến áp, nâng cấp 145,82 km đường dây trung áp, 328,94 km đường dây hạ áp, với tổng kinh phí đầu tư là 215 tỷ đồng; nguồn điện trên địa bàn ngày một ổn định, an toàn chất lượng được nâng cao.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 4: Điện *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***2.4. Trường học***

- Để đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, giai đoạn 2011-2019, toàn huyện đã huy động các nguồn vốn cải tạo, nâng cấp được 72 trường, hỗ trợ thành lập 39 cơ sở giáo dục mầm non tư thục với 50 nhóm trẻ độc lập tư thục đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương và con em công nhân tại các cụm công nghiệp trên địa bàn[[1]](#footnote-1).

- Đến nay, toàn huyện có 66/72 trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 91,7% *(Mầm non: 21/23 trường đạt chuẩn; Tiểu học: 22/22 trường đạt chuẩn; Trung học cơ sở và phổ thông cơ sở: 20/24 trường đạt chuẩn).* Số trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 8/72 *(Mầm non: 03/23 trường, Tiểu học: 05/22 trường).* Các trường học còn lại *(02 trường mầm non, 02 trường trung học cơ sở, 02 trường phổ thông cơ sở)* cơ sở vật chất cơ bản đã đạt chuẩn, đang được UBND huyện, UBND các xã quan tâm tiếp tục đầu tư một số hạng mục để hoàn thành đạt chuẩn quốc gia trong năm 2019.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 5: Trường học *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***2.5. Cơ sở vật chất văn hóa***

Từ năm 2011-2019, toàn huyện đã đầu tư xây mới, cải tạo được 21 nhà văn hóa xã, 151 nhà văn hóa thôn, 20 khu thể thao xã và 28 khu thể thao thôn.

- 21/21 xã có hội trường văn hoá đa năng diện tích từ 300-600 m2, với sức chứa 250-500 chỗ ngồi, có các phòng chức năng, đảm bảo phục vụ các sự kiện, hội nghị, sinh hoạt văn hóa của xã; 21/21 xã có khu thể thao xã diện tích trên 2.600 m2 đảm bảo phục vụ các sự kiện lớn, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của toàn xã.

- 272/272 thôn của 21 xã có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, sân thể thao đơn giản diện tích từ 400 m2 trở lên (toàn huyện có 163 sân vận động thôn, 34 nhà thi đấu cầu lông trong nhà, 192 sân cầu lông ngoài trời, 449 sân bóng chuyền, 26 bàn bóng bàn,..) có trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí để trẻ em, người cao tuổi hoạt động văn hóa, thể thao như: sinh hoạt các câu lạc bộ văn nghệ, cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá...

Trên địa bàn huyện có 11 bể bơi, hàng năm UBND các xã chỉ đạo các nhà trường, Đoàn thanh niên xã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống đuối nước và dạy bơi cho học sinh, thanh thiếu niên trên địa bàn. Các xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động và thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, hội diễn, hội thi văn nghệ, các giải thi đấu thể thao như: Bóng đá, bóng truyền, cầu lông, bóng bàn...thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia, nhất là vào dịp nghỉ hè và các ngày lễ lớn trong năm.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

***2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn***

Theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn, Lạng Giang có 11 xã có chợ. Từ năm 2011 - 2019 đã có 01 xã đầu tư xây dựng mới chợ, 10 xã cải tạo, nâng cấp chợ nông thôn; 10 xã không có chợ gồm: Hương Sơn, Tân Hưng, Tân Thanh, Đại Lâm, Xuân Hương, Nghĩa Hưng, Phi Mô, Xương Lâm, Yên Mỹ, Hương Lạc. Các chợ nông thôn trên địa bàn được đầu tư xây dựng kiên cố đảm bảo đúng quy định đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, góp phần lưu thông hàng hoá, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và giữ gìn nét đẹp của phiên chợ vùng nông thôn. Các cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khác như: Siêu thị mini, cửa hàng kinh doanh tổng hợp nằm trên các trục đường chính của huyện, của xã đã và đang phát triển. Các xã không có quy hoạch chợ đều có điểm mua bán tập trung đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

***2.7. Thông tin và truyền thông***

- 21/21 xã trên địa bàn huyện có bưu điện văn hóa xã đảm bảo phục vụ cho hoạt động bưu chính đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của các tổ chức, nhân dân tại địa phương như: Gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo,...

- 21/21 xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, internet (Viettel, Mobifone, Vinaphone,...), tới tất cả các thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

- 21/21 xã có đài truyền thanh xã và 100% số thôn trong xã có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

- 21/21 xã có ứng dụng thông tin trong quản lý điều hành; 100% số xã trên địa bàn được trang bị máy tính phục vụ công tác; 100% cán bộ, công chức xã đã sử dụng thành thạo máy vi tính trong giải quyết công việc.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

***2.8. Nhà ở dân cư***

- Trong những năm qua huyện Lạng Giang đã vận động và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà tình nghĩa, xây dựng nhà ở chính sách, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để giúp đỡ các hộ nghèo, người có công với cách mạng trong việc xóa nhà tạm, nhà dột nát; phát động sâu rộng trong toàn dân liên quan việc tổ chức chỉnh trang nhà cửa; cải tạo nâng cấp các công trình nhà ở, đi kèm các công trình phụ trợ để vừa đảm bảo theo quy định của Bộ Xây dựng, vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng. Kết quả từ năm 2011 đến nay toàn huyện đã triển khai xây dựng được 524 nhà ở từ các chương trình cho các đối tượng *(176 nhà từ chương trình nhà tình nghĩa, 348 nhà từ chương trình nhà ở chính sách)*. Hiện tại trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định là 53.529 /58.656, đạt 91,26% cao hơn so với yêu cầu của Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 là 22,8%.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**3. Kinh tế và tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân**

Xác định phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, thực hiện dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất và giá trị để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp là yếu tố cốt lõi góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân. Do đó những năm qua huyện Lạng Giang luôn quan tâm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển với nhiều ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, từ đó tạo việc làm, thu hút nhiều lao động tham gia, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước tạo nguồn lực quan trọng cho huyện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy kinh tế, văn hóa xã hội phát triển; tập trung khai thác mọi tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ. Cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

***3.1. Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản***

- Huyện đã tập trung triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh công tác tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo trong nông thôn. Năm 2011 toàn huyện tập trung công tác rà soát, lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng quy hoạch vùng sản xuất. Đến cuối năm 2012 đã có 21/21 xã được phê duyệt đồ án quy hoạch và đã tiến hành triển khai thực hiện theo quy hoạch. Trong giai đoạn 2014-2018, huyện đã tập trung cao trong công tác dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, bên cạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng sản xuất như đầu tư cho hệ thống công trình thuỷ lợi, đường nội đồng, Hàng năm huyện đã bố trí kinh phí từ 2 - 3 tỷ đồng để hỗ trợ cho nông dân mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ giá giống, phân bón, cho các mô hình giống cây trồng mới, tiến bộ kỹ thuật mới có năng suất giá trị cao hơn để khảo nghiệm đánh giá và nhân rộng trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần nâng cao chất lượng và giá trị, đưa sản xuất trồng trọt phát triển toàn diện đạt nhiều thành tựu mới. Hiện nay trên địa bàn huyện có nhiều hộ, cơ sở sản xuất đã sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm, sản xuất trong nhà màng, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nhất là sản xuất rau ăn quả, ăn lá. Có trên 60 hộ, cơ sở sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, trong đó có 06 HTX sản xuất quy mô lớn có trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ cao để sản xuất. Đã xây dựng được nhãn hiệu nấm tập thể của huyện Lạng Giang, tạo điều kiện cho việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thúc đẩy sản xuất nấm. Đến nay trên địa bàn huyện Lạng Giang đã thực hiện quy hoạch nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, xây dựng được 18 cánh đồng mẫu có diện tích từ 30 -50 ha, hàng năm đều tập trung đưa vào sản xuất các cây trồng có giá trị, có bao tiêu lên kết sản xuất. Trong giai đoạn 2014-2018, Lạng Giang đã xây dựng các cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, xây dựng các vùng sản xuất tập trung, phát huy hiệu quả cơ chế hỗ trợ 500 triệu/ha của tỉnh đồng bộ với công tác dồn điền đổi thửa để tiến hành chỉnh trang đồng ruộng, hỗ trợ mua máy móc tăng tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu. Trong giai đoạn 2016-2018, huyện đã hình thành được 05 vùng sản xuất lúa Nhật với quy mô các vùng từ 20-50 ha cho hiệu quả kinh tế cao hơn 15% so với sản xuất lúa truyền thống. Tăng cường tuyên truyền, chuyển giao khoa học kỹ thuật, sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; diện tích sản xuất rau an toàn hàng năm trên địa bàn huyện đạt trên 850 ha. Đã hình thành được 03 vùng sản xuất được cấp giấy chứng nhận VietGAP với quy mô 5-10 ha, tại xã Quang Thịnh; trong đó đã có doanh nghiệp đầu tư thuê đất, phối hợp sản xuất rau trong nhà lưới cùng với sản xuất vùng rau an toàn với quy mô 6 ha. Trong sản xuất rau chế biến, đẩy mạnh việc ký kết bao tiêu với các công ty chế biến, hàng năm Lạng Giang xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất rau chế biến từ 350-500 ha.Với diện tích sản xuất khoai tây chế biến tập trung từ 100-150 ha; với các vùng sản xuất tập trung tại thôn Am, xã Xuân Hương quy mô 40 ha; khu cánh đồng mẫu thôn Cả, xã Mỹ Thái quy mô 35 ha; các khu sản xuất tập trung xã Tân Hưng quy mô 30-40 ha.

- Từ năm 2011 - 2019 triển khai thực hiện phát triển chăn nuôi, thuỷ sản theo quy hoạch, đến nay chăn nuôi, thuỷ sản của huyện đã phát triển theo hướng chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung quy mô vừa và lớn, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Tổng số trang trại hiện có trên địa bàn huyện 37 trang trại, trong đó trang trại chăn nuôi - thủy sản 35 trang trại. Huyện đã tích cực thực hiện chuyển đổi giống vật nuôi, đưa các giống vật nuôi, mô hình mới có năng suất và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao như: Nuôi cá lồng tại xã Đại Lâm, nuôi cá theo phương thức sông trong ao tại xã Tân Hưng, cá rô phi đơn tính, cá diêu hồng...; ngành thuỷ sản đã được quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng cho 01 khu nuôi trồng thuỷ sản tập trung quy mô trên 30ha/1 vùng (làm đường, hệ thống điện, trạm bơm, bờ bao) với tổng kinh phí trên 30 tỷ đồng, đã có 9 ha trong vùng nuôi trồng tập trung được cấp giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, được huyện tiếp tục đầu tư thêm hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, hiện nay đang phát huy hiệu quả. Ngoài ra huyện cũng đã hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô 10-20 ha tại xã Thái Đào, Xuân Hương. Giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản năm 2018 đạt 1.245 tỷ đồng.

***3.2. Sản xuất công nghiệp - xây dựng, thương mại dịch vụ***

 Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện thu hút được 74 dự án đầu tư mới vào lĩnh vực công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp với số vốn đăng ký trên 2.631 tỷ đồng; trong đó có 24 dự án đầu tư mới vào cụm công nghiệp (CCN), với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 531 tỷ đồng, đưa tổng số dự án đầu tư vào cụm công nghiệp lên 44 dự án, với diện tích đất đăng ký sử dụng là 86,7 ha, tổng vốn đăng ký là 1.266,6 tỷ đồng, với số lao động làm việc trên 11.000 lao động.

 Hiện nay trên địa bàn huyện có 07 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 254,21 ha, vốn đăng ký là 1.266 tỷ đồng, trong đó có 05 cụm đã có quy hoạch chi tiết là CCN Nghĩa Hoà, CCN Đại Lâm, CCN Tân Dĩnh - Phi Mô, CCN Hương Sơn và CCN Tân Hưng. Tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp tương đối cao, cụ thể: Cụm công nghiệp Non Sáo (xã Tân Dĩnh) có 04 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy 100%; cụm công nghiệp Tân Dĩnh - Phi Mô có 07 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy 100%; cụm công nghiệp Vôi - Yên Mỹ có 09 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy 100%; cụm công nghiệp Nghĩa Hòa có 04 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy 90%; cụm công nghiệp Đại Lâm có 14 dự án đầu tư, tỷ lệ lấp đầy là 45%; CCN Hương Sơn và CCN Tân Hưng hiện chủ đầu tư đang triển khai giải phóng mặt bằng, chưa thực hiện thu hút dự án đầu tư. Các doanh nghiệp hoạt động đã góp phần đưa giá trị sản xuất CN - TTCN năm 2018 đạt 6.615 tỷ đồng (giá hiện hành).

 - Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn ổn định và có bước phát triển; hệ thống chợ nông thôn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu kinh doanh, buôn bán của người dân. Thực hiện tốt quản lý thị trường, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh doanh tư nhân. Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ năm 2018 đạt 5.095 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

***3.3. Tổ chức sản xuất***

- Đến nay, toàn huyện có 49 HTX, trong đó có 45 HTX lĩnh vực nông nghiệp với 3.479 thành viên hợp tác xã, với số vốn điều lệ 53.480 triệu đồng. 100% các HTX đã chuyển đổi, hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Hầu hết các HTX đều kinh doanh có hiệu quả, những HTX cho doanh thu trung bình 1,3 tỷ đồng/năm.

- Nhằm khuyến khích các HTX dịch vụ nông nghiệp trong sản xuất, triển khai thực hiện các mô hình mới ứng dụng khoa học công nghệ, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã hỗ trợ khoảng 4 tỷ đồng cho các mô hình ứng dụng công nghệ cao như: Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trong nhà lưới, đầu tư kho lạnh trong nuôi trồng nấm.

- Trên địa bàn huyện hiện có 37 trang trại *(trong đó có 35 trang trại chăn nuôi lợn)*, hàng năm mỗi trang trại có doanh thu hàng tỷ đồng/năm. Riêng năm 2017 do giá lợn giảm mạnh và 6 tháng đầu năm 2019 do ảnh hưởng của bệnh Dịch tả lợn Châu Phi nên gây khó khăn cho ngành chăn nuôi, các trang trại không có lợi nhuận cao nhưng vẫn duy trì được đầu ra ổn định, một số trang trại đã bị ảnh hưởng, có lợn chết buộc phải tiêu hủy, giá bán lợn giảm mạnh, dẫn đến tình trạng một số trang trại đang chỉ dừng ở khả năng cố gắng duy trì.

- Các HTX dịch vụ nông nghiệp, các trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện đã tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động địa phương với thu nhập bình quân từ 3-4 triệu đồng/người/tháng; đồng thời hình thành được một số chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân trên địa bàn, ổn định được đầu ra sản phẩm, từng bước mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thị trường tiêu thụ ra các tỉnh lân cận.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 13:Tổ chức sản xuất *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

***3.4. Thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ lao động có việc làm***

*\* Về thu nhập:* Thu nhập bình quân đầu người ở 21 xã trên địa bàn huyện năm 2011 đạt 29,5 triệu đồng/người/năm, đến năm 2018 đạt 54 triệu đồng/người/năm, tăng 24,5 triệu so với thời điểm năm 2011.

Để đạt được kết quả trên huyện đã tập trung các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển mọi lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ..., đặc biệt khai thác mọi tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ từ đó nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 10: Thu nhập *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

*\* Về tỷ lệ hộ nghèo:* Tỷ lệ hộ nghèo *(tính theo chuẩn nghèo đa chiều theo năm 2015)* giảm đến năm 2018 còn 2.533 hộ, chiếm 4,45%; giảm 2.360 hộ tương đương 4,53% so với năm 2015. Ước đến hết năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo trên toàn huyện khoảng 3,2%, giảm 1,25%.

*Đánh giá:* 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 11: Hộ nghèo *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

\* Tổng số lao động có việc làm trên địa bàn huyện là 112.732/117.327 lao động *(đạt 96,1%)*. Ước hết năm 2019, tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn huyện đạt 97,2%.

*Đánh giá:* 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 12: Lao động có việc làm *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

 *(Kèm theo Phụ lục 02: Kết quả thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, lao động có việc làm)*

**4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường**

***4.1. Giáo dục và đào tạo***

 Chất lượng giáo dục mầm non từng năm đều được nâng lên, tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi của cả nhà trẻ và mẫu giáo hàng năm đều giảm so với năm học trước. Có 98,6% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đựợc huy động ra lớp; 100% trẻ ra lớp được ăn bán trú và được khám sức khỏe định kỳ. Hàng năm tuyển sinh 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, không có học sinh bỏ học. Chất lượng giáo dục đại trà của bậc học tiểu học luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh, 100% học sinh hoàn thành chương trình, các chỉ số luôn được duy trì, củng cố vững chắc; đặc biệt là công tác bồi dưỡng mũi nhọn nhiều năm đứng trong tốp đầu toàn tỉnh. 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học được tuyển vào lớp 6. Chất lượng đại trà của bậc trung học cơ sở ngày càng được củng cố, nâng lên; tỉ lệ hạnh kiểm tốt, học lực giỏi năm sau cao hơn năm trước; hạnh kiểm, học lực yếu ngày càng giảm. Tỉ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở và điểm bình quân thi vào lớp 10 trung học phổ thông năm sau cao hơn năm trước; luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh Bắc Giang. Tỉ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông, tỉ lệ đỗ đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước.

Hiện nay các trường học trên địa bàn huyện có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn quốc gia; có đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, ...; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bảng, bàn ghế của giáo viên và đều đạt chuẩn; các khu công trình công cộng; hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường; các nhà trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, có kết nối Internet, có Website riêng và hoạt động thường xuyên; 100% các trường đang sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống tiêu thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, giáo viên, có tách riêng cho nam, nữ đảm bảo theo quy định; khu sân chơi, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, cụ thể:

+ 21/21 xã duy trì và đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 2.578/2.610 học sinh, đạt 98,7%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề đạt trên 80%; Lao động có việc làm qua đào tạo nghề là 79.822/112.732 người đạt 70,8%.

+ 100% số trường của các cấp Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

*Đánh giá:*Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 14: Giáo dục *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***4.2. Y tế***

- Đến tháng 6/2019, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt tỷ lệ 99,2%, trong đó 21/21 xã xây dựng nông thôn mới đều đạt trên 98%.

- Xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế: Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Hết năm 2015 toàn huyện có 21/21 xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi *(chiều cao theo tuổi)* toàn huyện tính đến tháng 12/2018 là 4.755/21.120 trẻ em *(chiếm 22,5%)*, 21/21 xã đều có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi dưới 26%.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 15: Y tế *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***4.3. Văn hóa***

 Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được duy trì và phát triển. Phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"* được đẩy mạnh đã mang lại hiệu quả thiết thực. 100% các thôn, khu dân cư thuộc 21 xã đã xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước, năm 2018 có 210/272 thôn, khu dân cư được công nhận danh hiệu làng văn hóa cấp huyện, trong đó có 53 thôn được công nhận danh hiệu văn hóa trong 3 năm liên tục. Số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên địa bàn đạt trên 38%.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 16: Văn hóa *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm***

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch của 21 xã trên địa bàn huyện: 57.189/58.656 hộ *(tỷ lệ 97,5%)*. Hiện, trên địa bàn huyện có 05 đơn vị cung cấp nước sạch, số hộ sử dụng nước sạch (*bao gồm những hộ sử dụng máy lọc nước đạt tiêu chuẩn và sử dụng nước máy*) là 39.475/58.656 hộ *(tỷ lệ 67,3%)*. - Trên địa bàn huyện có tổng số 2.548 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản, làng nghề, trong đó: 1.010/1.010 cơ sở thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường, đạt 100% *(cơ sở sản xuất kinh doanh: 488/488, cơ sở y tế: 29/29, nuôi trồng thuỷ sản: 80/80, chăn nuôi: 393/393, làng nghề: 1/1, cơ sở chế biến thực phẩm: 19/19)*; Cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản không thuộc đối tượng lập thủ tục môi trường: 1.538 *(nuôi trồng thuỷ sản: 182, chăn nuôi: 1.263, cơ sở chế biến thực phẩm: 93)* trong quá trình hoạt động các cơ sở này đã thực hiện thu gom, phân loại rác thải, xây dựng công trình xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường*.*

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Hệ thống cây xanh trên địa bàn phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan cũng như cải thiện môi trường không khí, đặc biệt tại các trường học, các tuyến đường giao thông, trụ sở các cơ quan.., không làm ảnh hưởng đến đường giao thông, không làm hư hại đến các công trình công cộng. Hệ thống ao hồ sinh thái thường xuyên được nạo vét, tu bổ, có rào chắn, lắp đặt các biển báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân.Các tuyến đường làng, ngõ xóm và các khu vực công cộng: Hàng năm UBND cấp huyện, cấp xã, các tổ chức đoàn thể từ huyện đến xã duy trì có hiệu quả ngày "Chủ nhật xanh", phong trào "con đường phụ nữ tự quản", "con đường hoa", "con đường hội cựu chiến binh tự quản", phong trào "5 không 3 sạch"…; 100% số xã đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: các nghĩa trang trên địa bàn được xây dựng theo quy hoạch và có Quy chế quản lý nghĩa trang được UBND các xã phê duyệt theo quy định. Việc mai táng được thực hiện theo đúng quy chế quản lý nghĩa trang đã được phê duyệt cũng như tập quán, phong tục của địa phương, đảm bảo vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh trong việc tang.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

 *\* Về chất thải rắn:*

+ Đối với phế phụ phẩm nông nghiệp: Phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 510 tấn/năm, đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt (210,1 tấn, chiếm 41,2%), thức ăn gia súc (199,8 tấn, chiếm 39,2%), phân hữu cơ (69,9 tấn, chiếm 13,7%), phần còn lại (30,2 tấn, chiếm 5,9%) vận chuyển về các điểm tập kết, rồi thu gom về bãi rác tập trung của xã để xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

+ Đối với chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện có tổng số 55 cơ sở y tế đang hoạt động *(gồm 01 Bệnh viện đa khoa, 23 trạm y tế các xã, thị trấn và 31 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân*). Trong đó có 29/29 cơ sở y tế thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường, còn 26 cơ sở y tế không thuộc đối tượng lập thủ tục môi trường đã có biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Tổng chất thải rắn y tế phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 3.400 kg/năm, được các cơ sở thu gom, phân loại và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế.

+ Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng: Tổng lượng phát sinh khoảng 1,7 tấn/năm. Hiện nay toàn huyện đã bố trí 976 bể chứa vỏ bao bì thuốc BVTV trên các cánh đồng. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại phát sinh: Tổng lượng phát sinh khoảng 24,9 tấn/năm. Đã được các cơ sở phân loại đưa vào khu vực lưu giữ, dán mã và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn 23 xã, thị trấn đã thành lập 23 hợp tác xã nông nghiệp, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, ngoài ra thành lập 157 tổ vệ sinh môi trường tự quản tại các thôn hàng tuần phát động, duy trì hoạt động ra quân thu gom rác, vệ sinh môi trường. 23/23 xã, thị trấn đã bố trí 22 bãi xử lý rác tập trung bằng phương pháp chôn lấp và 12 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt công suất từ 300-400kg/giờ *(trong đó xã Tân Thịnh và thị trấn Kép sử dụng chung 01 bãi rác tại xã Tân Thịnh),* đã đầu tư xây dựng 136 điểm tập kết, trung chuyển rác thải tại 23 xã, thị trấn để vận chuyển về xử lý tại bãi rác tập trung. Tính đến tháng 7/2019, tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 46 tấn/ngày. Tổng lượng rác thu gom, vận chuyển, xử lý 41 tấn/ngày, Lượng rác còn lại 05 tấn/ngày được các hộ gia đình tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, chế biến thành phân hữu cơ hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

*\* Về xử lý nước thải:* Các điểm dân cư tập trung đều có hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải và không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng gây ngập úng. Các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn đã xây dựng công trình xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bế chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Toàn huyện có 51.558/58.656 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh (đạt 87,9%), trong đó: 51.558 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (đạt 87,9%); 53.082 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh (đạt 90,5%); 53.846 hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh (đạt 91,8%).

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trên địa bàn huyện có 1.656 hộ chăn nuôi, trong đó: 393/393 hộ chăn nuôi thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường (đạt 100%), 1.263 hộ chăn nuôi không thuộc đối tượng lập thủ tục môi trường đều có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, có biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình chăn nuôi (đạt 100%). Cơ bản chuồng trại đều nằm cách biệt với nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có hố chứa phân đảm bảo vệ sinh môi trường *(không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh)*. Chuồng trại được vệ sinh định kỳ đảm bảo phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. UBND huyện thường xuyên quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ… về ATTP; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về ATTP được thực hiện thường xuyên; Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về ATTP được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong: Tháng hành động và dịp Tết Nguyên đán. Tổ chức điều tra thống kê, phân loại cơ sở thực phẩm trong toàn huyện, cụ thể: Kết quả điều tra, phân loại điều kiện ATTP đối với cơ sở thực phẩm, toàn huyện có 1.603 cơ sở thực phẩm *(tỉnh quản lý: 10, huyện quản lý: 440, xã quản lý: 1153).*

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

**5. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng - An ninh**

Hệ thống chính trị ở cấp xã và các khu dân cư thường xuyên được huyện chỉ đạo củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về Quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được UBND huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện.

***5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật***

- Tổng số cán bộ công chức của 21 xã là 443 người đạt chuẩn theo quy định.

- 21/21 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định từ xã đến thôn gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- 21/21 Đảng bộ các xã đều xếp loại đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- 21/21 xã có tổ chức chính trị - xã hội đạt loại khá trở lên.

- 21/21 xã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 07/2017/TT-BTP, ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, đảm bảo: 21/21 xã có tỷ lệ nữ ủy viên đều đạt trên 15%; có 6 xã có 1 vị trí lãnh đạo chủ chốt là nữ. 21/21 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình; không phát hiện trường hợp nào tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình; có bố trí 01 phòng làm nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực gia đình.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***5.2. Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh***

- 21/21 xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định *(Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm)*. Có 41/46 *(tỷ lệ 89%)* Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; hằng năm được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn. 21/21 xã đã bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự xã, phòng làm việc có đầy đủ trang thiết bị theo quy định. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ nòng cốt thời bình đạt 21,6%. Có 210/272 thôn đội trưởng là Đảng viên *(tỷ lệ 77,2%)*; 11 đồng chí đang hoàn thiện hồ sơ kết nạp Đảng *(180/272 đồng chí thôn đội trưởng là bộ đội xuất ngũ)*.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng: Hằng năm 21/21 xã *(tỷ lệ 100%)* hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng. 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội của 21/21 xã trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định: Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống phá Đảng, Chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, không có khiếu kiện đông người; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội; Không xảy ra các vụ án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; 272 thôn, các trường học của 21 xã đạt tiêu chuẩn *"An toàn về ANTT"* theo quy định.

*Đánh giá:* Đến nay, 21/21 xã trên địa bàn huyện Lạng Giang *(tỷ lệ 100%)* đạt chuẩn tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh*(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI** *(Theo Quyết định 558/QĐ - TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***: Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 đã được lập xong; Đồ án đã đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; đảm bảo theo định hướng nội dung của Quyết định số 676/QĐ-TTg, ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thí hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020; đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

 **2. Tiêu chí số 2: Giao thông**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch:

- Đường bộ:

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%.

+ Cấp kỹ thuật đường huyện đạt chuẩn tối thiểu theo cấp V miền núi hoặc cấp VI đồng bằng theo TCVN: 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hằng năm.

- Đường thủy: Các bến thủy nội địa do địa phương quản lý phục vụ vận chuyện hành khác, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động; đầu tư hệ thống hạ tầng để kết nối giao thông đường thủy với giao thông đường bộ.

- Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4 theo Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công công theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu phục hành khác, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Đường bộ: Đến nay, trên địa bàn huyện Lạng Giang hiện có 5 tuyến đường huyện, cứng hóa 53,5/53,5 km *(tỷ lệ 100%),* tất cả các tuyến đường huyện đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; Các trường hợp vi phạm hành lang giao thông đều được xử lý kịp thời; Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo [TCVN 4054:2005](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=TCVN4054:2005&area=2&type=39&match=False&vc=True&lan=1); cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Lạng Giang giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2035 và Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng NTM các xã; Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch; Hàng năm, UBND huyện đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoàn thành việc quản lý, bảo trì 100% các tuyến đường huyện.

- Đường thủy trên địa bàn có sông Thương chảy qua với chiều dài 51km *(trong đó 19km do Trung ương quản lý, 32km do địa phương quản lý*), sông có độ dốc lớn, về mùa lũ độ cao chênh lệch từ 3-5cm/km, lòng sông hẹp, nhiều bãi bồi không thuận lợi cho việc vận tải đường thuỷ. Số lượng bến khách ngang sông: có 04 bến đều đã cấp phép *(xã Xuân Hương 02 bến, xã Dương Đức 02 bến)*, đảm bảo các điều kiện về an toàn. Loại phương tiện đò ngang hiện có chủ yếu là vỏ thép, có đăng kiểm đủ điều kiện an toàn hoạt động, người điều khiển phương tiện đều có chứng chỉ chuyên môn hoặc bằng. Các bến thủy nội địa nằm trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bắc Giang; Các bến hàng hoá (bãi vật liệu xây dựng) đều đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động theo quy định.

- Vận tải: Hiện tại, trên các tuyến đường Quốc lộ 1A, Quốc lộ 31, Quốc lộ 37; Tỉnh lộ 295, Tỉnh lộ 292, Tỉnh lộ 295B nằm trên địa bàn huyện đều được lắp đặt, bố trí các điểm dừng, đỗ trả khách cho xe buýt và điểm đưa đón công nhân cho xe phục vụ đưa đón công nhân làm việc tại các khu công nghiệp *(Theo Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 về việc công bố các điểm đỗ tãi trên địa bàn huyện Lạng Giang).*

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

**3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***: Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt. Huyện có 5,15 km đê cấp II Tả Thương, 7,03 km đê cấp III Tả Thương Dương Đức, 12,4 km đê Cổ Mân và 24,87 km đề cấp V; 20 km đê bối với hơn 40 cống lớn, nhỏ dưới đê. Đây là hệ thống công trình bảo vệ sản xuất, đời sống xã hội cho toàn huyện và các vùng lân cận; Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện được xây dựng phù hợp với quy hoạch thuỷ lợi đã được phê duyệt tại Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thuỷ lợi tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 và được phân cấp quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 362/QĐ-UBND, ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về Danh mục phân cấp công trình thủy lợi cho các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL và địa phương quản lý, khai thác và bảo vệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động bền vững:

+ Trên địa bàn huyện có 01 Xí nghiệp khai thác Công trình thủy lợi Lạng Giang trực thuộc Công ty TNHH 1 thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương thực hiện việc quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả đảm bảo phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn; tất cả các công trình thủy lợi do huyện quản lý đều được phân cấp quản lý, giao trách nhiệm rõ ràng đảm bảo việc quản lý và vận hành; Đảm bảo điều hòa phân phối nước tiêu nước hợp lý: Năm 2018, tổng diện tích thực tưới, tiêu so với diện tích hợp đồng là: 17.632,74/17.632,74 ha, đạt 100% so với kế hoạch.

+ Hàng năm UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Hạt Quản lý đê Lạng Giang và Xí nghiệp KTCTTL Lạng Giang tiến hành đánh giá thực trạng hệ thống đê điều, công trình thủy lợi do huyện quản lý, trong đó đánh giá những vị trí xung yếu, cấp thiết, các công trình đã xuống cấp; từ đó xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xây mới, cải tạo, tu bổ các công trình cấp bách, thiết yếu đảm bảo phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai trên địa bàn; đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện Phương án bảo vệ công trình thủy lợi của các công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**4. Tiêu chí số 4: Điện**

***a) Yêu cầu tiêu chí:*** Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

***b) Kết quả thực hiện***

Điện lực Lạng Giang đang quản lý, vận hành 348,38 km đường dây trung áp, 926,703km đường dây hạ áp và 471 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng 158.074 kVA. Điện lực Lạng Giang thường xuyên đầu tư cải tạo hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện theo quy định tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương. Đồng thời, đảm bảo đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương; đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

***c) Đánh giá tiêu chí:*****Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**5. Tiêu chí số 5: Y tế, Văn hóa, Giáo dục**

***5.1. Về y tế***

***a) Yêu cầu tiêu chí:*** Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia.

***b) Kết quả thực hiện:***

- Hệ thống tổ chức y tế toàn huyện được củng cố và phát triển; tỷ lệ bác sĩ đạt 4,3 người/10.000 dân, tỷ lệ giường bệnh đạt 13,25 giường bệnh/10.000 dân; tỷ lệ cán bộ y tế 19,5 người/10.000 dân.

- Bệnh viện đa khoa huyện đã được UBND tỉnh Quyết định công nhận Bệnh viện hạng II tại Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; hàng năm đã tổ chức thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của bệnh viện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Sở Y tế, UBND huyện giao.

- Trung tâm y tế huyện đã thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ theo quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế; có đầy đủ tổ chức bộ máy, trụ sở làm việc, các phòng chức năng; cơ bản đảm bảo cơ sở trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn. Từ năm 2016 đến năm 2018 được Sở Y tế đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Từ ngày 01/1/2019, Bệnh viện Đa khoa, trung tâm Y tế và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện sáp nhập thành Trung tâm Y tế huyện theo Quyết định số 795/QĐ-UBND, ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

***5.2. Về văn hóa***

***a) Yêu cầu tiêu chí:*** Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

***b) Kết quả thực hiện:***

Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện được thành lập tại Quyết định số Số 715/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang. Tổng biên chế có 22 cán bộ, viên chức, gồm: 01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc và 18 viên chức. Trụ sở làm việc của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện đặt tại trung tâm huyện, có đủ các phòng làm việc, phòng chức năng và các phương tiện chuyên dùng đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ. Có khu thể thao trong nhà, sân tenis, sân vận động trung tâm, Hội trường trung tâm, khu biểu diễn ngoài trời… đảm bảo đáp ứng các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện, cụ thể:

+ Khu thể thao trong nhà có diện tích 1200m2.

+ Sân vận động trung tâm huyện có tổng diện tích 30.000m2, sân khấu có mái che với diện tích 128m2, có đầy đủ các công trình phụ trợ.

+ Hội trường trung tâm huyện có diện tích 7.200m2, sức chứa 364 chỗ ngồi, sân khấu với diện tích 200m2, có đầy đủ các công trình phụ trợ.

+ Diện tích hoạt động ngoài trời: Có sân vận động huyện và 02 Sân tenis, diện tích 20.000m2, sân khấu có mái che với diện tích 128m2, khu biểu diễn, triển lãm ngoài trời, khu vui chơi, giải trí,.… đảm bảo cho việc tổ chức các sự kiện, biểu diễn nghệ thuật lớn; là nơi vui chơi, giải trí phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện.

Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao kết nối với cơ sở có hiệu quả như: Mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, phương pháp công tác cho cán bộ nhà văn hóa, câu lạc bộ và hạt nhân phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật theo nguyện vọng cho các đối tượng; tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ở cơ sở; hướng dẫn việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy loại hình nghệ thuật dân gian cho các các câu lạc bộ hát dân ca quan họ, ca trù, chèo… trên địa bàn huyện.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và ).*

***5.3. Về giáo dục***

***a) Yêu cầu tiêu chí:*** Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn ≥ 60%.

***b) Kết quả thực hiện:***

Trên địa bàn huyện có 3/3 trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

- Trường THPT Lạng Giang số 1 đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Trường THPT Lạng Giang số 2 đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang.

- Trường THPT Lạng Giang số 3 đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**6. Tiêu chí số 6: Sản xuất**

***a) Yêu cầu tiêu chí:*** Huyện đạt chuẩn tiêu chí về Sản xuất khi đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm a1 hoặc điểm a2 khoản này:

a1) Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện

+ Vùng trồng Rau: Sản xuất tập trung 20ha/vùng;

a2) Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản phẩm đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

***b) Kết quả thực hiện***

 Trong giai đoạn 2011-2019, trên địa bàn huyện đã hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung như vùng sản xuất rau chế biến, rau an toàn, khoai tây chế biến ở các xã: Tân Thịnh (20 ha), Đại Lâm (20 ha), Đào Mỹ (21 ha), Tân Hưng (30 ha), Mỹ Thái (35 ha),...Với tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt từ 300-350 ha, doanh thu đạt từ 155-175 triệu đồng/ha/vụ và là một trong những huyện có diện tích trồng rau chế biến lớn của tỉnh. Vùng sản xuất Nấm ở các xã: Tiên Lục, Tân Thanh, Tân Dĩnh, Nghĩa Hưng,… Doanh thu đạt từ 25-30 tỷ đồng/năm. Vùng trồng hoa ở xã Thái Đào với diện tích chuyên canh từ 20-25 ha và doanh thu từ trồng hoa đạt từ 210-220 triệu đồng/ha; vùng sản xuất lúa Nhật xuất khẩu diện tích 200-300 ha ở các xã: Tân Thịnh, Tân Hưng, Mỹ Thái, Phi Mô, Đào Mỹ,... Doanh thu đạt từ 42-43 triệu đồng/ha/vụ, hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất các giống lúa đại trà từ 15-20%; vùng sản xuất thuỷ sản diện tích 30 ha ở thôn Đại Giáp, xã Đại Lâm *(trong đó có 9 ha đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP)*; đã xây dựng được mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao ở các xã: Quang Thịnh (10.000 m2), Tiên Lục (2.000m2), Nghĩa Hòa (3.135 m2), Đại Lâm (2.000 m2), Mỹ Thái (2.000m2),.... Các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được ký kết hợp đồng liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm bởi các công ty: Công ty G.O.C, Công ty cổ phần chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Hải Dương, Công ty An Đình, công ty Thiên Nông, công ty GVA,...Toàn huyện đã có 20 ha sản xuất rau được cấp giấy chứng nhận VietGAP tại thôn Quang Hiển, Thanh Lương- xã Quang Thịnh.

UBND huyện đã triển khai Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 22/8/2013 về phát triển sản xuất nấm trên địa bàn huyện Lạng Giang giai đoạn 2013-2015; kết quả đã triển khai sản xuất nấm tập trung tại các xã: Nghĩa Hưng, Tiên Lục, Tân Thanh, Tân Dĩnh, Dương Đức; hàng năm đưa vào sản xuất khoảng 5.560 tấn nguyên liệu nấm, doanh thu khoảng 25 tỷ đồng, đã xây dựng được nhãn hiệu tập thể nấm Lạng Giang. Thực hiện xây dựng thành công 18 cánh đồng mẫu sản xuất lúa chất lượng với tổng diện tích 606,46 ha, các cánh đồng mẫu cho hiệu quả kinh tế cao hơn sản xuất lúa đại trà từ 15-20% (*quy mô mỗi cánh đồng từ 30 ha trở lên*).

***c) Đánh giá tiêu chí:* Đạt***(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang).*

**7. Tiêu chí số 7: Môi trường**

***a) Yêu cầu tiêu chí:***

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn;

- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

***b) Kết quả thực hiện:***

***\* Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện***

Nhận thức tầm quan trọng của công tác xử lý chất thải rắn, ngày 14/4/2008, Hội đồng nhân dân huyện Lạng Giang ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về việc bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2008, trong đó có hướng dẫn chi kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2008, 23/23 xã, thị trấn đã xây dựng Dự án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và xây dựng bãi xử lý chất thải rắn trên địa bàn từng xã, được Chủ tịch UBND huyện ban hành các quyết định phê duyệt. Trên cơ sở đó, từ năm 2008 UBND các xã, thị trấn tiến hành xây dựng, duy trì hoạt động các bãi xử lý rác thải, thành lập các tổ vệ sinh môi trường thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã.

Ngày 08/4/2016, Huyện uỷ đã ban hành Kế hoạch số 22-KH/HU về tăng cường quản lý đất đai và bảo vệ môi trường gắn với Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải khu vực nông thôn trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020. Qua đó tập trung xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, thực hiện tốt mục tiêu và giải pháp nêu tại Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nông thôn giai đoạn 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. Cụ thể về tình hình thu gom, xử lý các chất thải rắn trên địa bàn huyện như sau:

*- Chất thải rắn sinh hoạt:* Trên địa bàn huyện có 21 xã, 02 thị trấn, 100% các xã, thị trấn đề có hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt và xử lý đúng theo quy định, tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đạt 89%. Lượng chất thải còn lại được các hộ gia đình tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, chế biến thành phân hữu cơ hoặc bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

*- Chất thải rắn y tế:* Tổng lượng chất thải y tế phát sinh tại 55 cơ sở y tế đang hoạt động trên địa bàn huyện khoảng 3.400 kg/năm, được các cơ sở thu gom, phân loại và xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế.

*- Chất thải nông nghiệp:* Tổng lượng phế phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 510 tấn/năm, đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt (210,1 tấn, chiếm 41,2%), thức ăn gia súc (199,8 tấn, chiếm 39,2%), phân hữu cơ (69,9 tấn, chiếm 13,7%), phần còn lại (30,2 tấn, chiếm 5,9%) vận chuyển về các điểm tập kết, rồi thu gom về bãi rác tập trung của xã để xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

*- Bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng:* Tổng lượng phát sinh khoảng 1,7 tấn/năm. Hiện nay toàn huyện đã bố trí 976 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên địa bàn toàn huyện theo quy định

*- Chất thải nguy hại phát sinh:* Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 24,9 tấn/năm, đã được các cơ sở phân loại đưa vào khu vực lưu giữ, dán mã và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

***\* Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.***

Trên địa bàn huyện có tổng số 2.548 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản, làng nghề, trong đó: 1.010/1.010 cơ sở thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường, đạt 100%; 1.538 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thuỷ sản không thuộc đối tượng lập thủ tục môi trường đã thực hiện thu gom, phân loại rác thải, xây dựng công trình xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường, cụ thể:

*- Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ:* Có tổng số 488/488 (đạt 100%) cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ, hộ gia đình, cá nhân (gọi là doanh nghiệp) đã có thủ tục về môi trường. Trong đó có 63 doanh nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, 06 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Kế hoạch bảo vệ môi trường; 419 doanh nghiệp được UBND huyện phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Trong quá trình hoạt động các doanh nghiệp thực hiện tốt các giải pháp về bảo vệ môi trường theo hồ sơ đã được phê duyệt.

*- Đối với cụm công nghiệp:* Trên địa bàn huyện có 07 cụm công nghiệp (CCN), có 07/07 CCN được phê duyệt báo cáo ĐTM (Riêng CCN Đại Lâm giai đoạn 2 đã nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Có 02/07 CCN được chấp thuận đầu tư nhưng chưa hoạt động (CCN Hương Sơn, CCN Tân Hưng). Có 05/07 CCN đang hoạt động (CCN Đại Lâm giai đoạn 1, CCN Tân Dĩnh - Phi Mô, CCN Non Sáo-Tân Dĩnh, CCN Nghĩa Hoà và CCN Vôi-Yên Mỹ), tổng diện tích đất theo quy hoạch 129,2ha, đã lấp đầy 100%; tính đến ngày 31/7/2019, có 44 doanh nghiệp, hộ cá thể đang hoạt động đã có thủ tục môi trường tại 05 CCN đang hoạt động, đã tạo công ăn việc làm cho 11.000 công nhân.

*- Đối với các hộ chăn nuôi:* Hiện nay trên địa bàn huyện có 1.656 hộ chăn nuôi, trong đó có 393/393 hộ chăn nuôi thuộc đối tượng đã có thủ tục môi trường (đạt 100%). Có 1.263 hộ chăn nuôi không thuộc đối tượng lập hồ sơ về môi trường nhưng đã áp dụng biện pháp xử lý chất thải bằng hầm biogas, có công trình chuồng trại hợp vệ sinh, lắp quạt thông gió, trồng cây xanh xung quanh chuồng trại, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường xung quanh.

*- Đối với hộ nuôi trồng thủy sản:* Toàn huyện có 262 hộ nuôi trồng thuỷ sản, trong đó 80/80 hộ thuộc đối tượng đã được cấp kế hoạch BVMT (đạt 100%); 182 hộ không thuộc đối tượng lập thủ tục môi trường đều đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường, phù hợp với quy hoạch của địa phương, không sử dụng thuốc thú y thuỷ sản, hoá chất hết hạn hoặc ngoài danh mục nuôi trồng thuỷ sản theo quy định.

*- Đối với các làng nghề:* Trên địa bàn huyện có 01 làng nghề khâu nón lá thôn Gai bún, xã Đào Mỹ được công nhận theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang, đã được UBND huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 22/8/2018. Làng nghề có 110 hộ hoạt động khâu nón lá, chất thải phát sinh ít, chủ yếu là sản phẩm thải bỏ như: đầu mẩu tre, nứa, lá nón,... được tận dụng làm chất đốt; nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại trước khi thải ra môi trường.

*- Đối với cơ sở chế biến thực phẩm:* Có tổng số 19/19 (đạt 100%) cơ sở chế biến thực phẩm đã có thủ tục về môi trường, cơ bản đã thực hiện tốt các giải pháp về bảo vệ môi trường theo hồ sơ đã được phê duyệt.

***c) Đánh giá tiêu chí:*****Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**8. Tiêu chí số 8: An ninh, trật tự xã hội**

***a) Yêu cầu tiêu chí:*** Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

***b) Kết quả thực hiện:***

- Hàng năm, Huyện ủy có Chỉ thị và UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; Ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động nề nếp, hiệu quả, tổ chức thực hiện tốt công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên tích cực phối hợp tham gia đảm bảo an ninh trật tự.

- Thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/2/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của nhân dân. Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao.

- Trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm so với năm liền kề; trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội *(Năm 2017 xẩy ra 60 vụ phạm pháp hình sự giảm 01 vụ so với năm 2016; năm 2018 xẩy ra 58 vụ phạm pháp hình sự giảm 02 vụ so với năm 2017; trong 6 tháng đầu năm 2019 xẩy ra 33 vụ phạm pháp hình sự bằng so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2018).*

- Lực lượng vũ trang huyện *(Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ)* hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự địa phương.

+ Lực lượng Công an huyện trong những năm qua đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn; năm 2017, 2018 được Giám đốc Công an tỉnh tặng đơn vị quyết thắng

+ Hàng năm Ban chỉ huy Quân sự huyện đã tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tuyên truyền, vận động và triển khai có hiệu quả công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự đảm bảo chất lượng. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên. Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang và nhân dân; hoàn thành 100% chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên địa bàn, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống không để bị động, bất ngờ góp phần giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

- Ban chỉ huy Quân sự huyện được Bộ tư lệnh Quân Khu 1 đánh giá đạt danh hiệu đơn vị vững mạnh toàn diện năm 2014 *(Quyết định số 2312/QĐ-BTL, ngày 24/12/2014)*, đạt danh hiệu đơn vị Quyết thắng năm 2016, 2017 *(Quyết định số 2460/QĐ-BTL, ngày 05/12/2016; Quyết định số 2477/QĐ-BTL, ngày 20/12/2017)*. Năm 2015, 2016, được Bộ tư lệnh Quân Khu 1 tặng 2 bằng khen *(Quyết định số 2346/QĐ-BTL, ngày 10/11/2015; Quyết định số 2125/QĐ-BTL, ngày 20/10/2016)*; được UBND tỉnh tặng Bằng khen năm 2015, 2017 *(Quyết định số 1485/QĐ-UBND, ngày 07/8/2015; Quyết định số 555/QĐ-UBND, ngày 11/4/2017)*.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** **Đạt** *(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**9. Tiêu chí số 9: Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới**

***a) Yêu cầu tiêu chí:***

- Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

***b) Kết quả thực hiện:***

***b1) Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện:***

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện Lạng Giang giai đoạn 2011-2015 gồm 23 thành viên do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban (Theo Quyết định số 6342/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện); Giai đoạn 2016-2020, Ban Chỉ đạo được kiện toàn, bổ sung lại gồm 28 thành viên (Theo Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 25/6/2016 của UBND huyện Lạng Giang).

- Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong Ban chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc.

- Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Lạng Giang 5 năm (2011-2015) và Đề án thực hiện Chương trình MTQG xây dựng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020; đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết thực hiện trong từng năm và tham mưu rà soát các hạng mục cần đầu tư liên quan đến các tiêu chí chưa hoàn thành, đề xuất huyện có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho các xã thực hiện, đồng thời kịp thời phân bổ, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí ngân sách huyện làm căn cứ để các xã triển khai thực hiện.

- Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Ban Chỉ đạo đã tham mưu cho UBND huyện ban hành các cơ chế thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (cơ chế xi măng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ xây nhà văn hóa...) phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa phương. Chú trọng công tác tuyên truyền vận động có sự chung sức xây dựng nông thôn mới của các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp; nhưng đảm bảo không để xảy ra tình trạng huy động quá sức dân, không để nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn các năm, Ban Chỉ đạo tham mưu UBND huyện, chỉ đạo UBND các xã ban hành các kế hoạch nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được, đồng thời chỉ đạo mỗi xã xây dựng 01 thôn kiểu mẫu để làm cơ sở rút kinh nghiêm và tiếp tục nhân ra diện rộng.

***b2) Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện***

- UBND huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện gồm 15 đồng chí do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Xây dựng quy chế hoạt động của Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy định, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đã làm tốt công tác tham mưu kịp thời cho Ban chỉ đạo, UBND huyện các biện pháp chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đảm bảo hoàn thành theo đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg, ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

***c) Đánh giá tiêu chí:*** Đạt*(Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).*

**V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những kết quả đạt được**

Kết quả sau 9 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, đã đạt được những kết quả nổi bật: Hạ tầng cơ sở được tăng cường đầu tư, bộ mặt nông thôn đã có nhiều sự đổi mới rõ nét, các công trình được xây mới khang trang và hiện đại. Cơ bản trên các lĩnh vực đều có chuyển biến tích cực; sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến, văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và từng bước nâng cao. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị, gắn với tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về việc học tập, làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân trong huyện được nâng lên rõ rệt, 100% cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ huyện đến các xã được tập huấn nghiệp vụ chuyên môn. Thông qua tập huấn giúp đội ngũ cán bộ từ huyện đến xã có đủ năng lực để triển khai thực hiện Chương trình. Các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp được quan tâm đổi mới theo hướng tăng cường liên kết sản xuất hàng hoá kết hợp với đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; cơ cấu kinh tế của huyện chuyển biến tích cực theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông- lâm - thủy sản, tăng nhanh ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, thu nhập, đời sống nhân dân được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm, bộ mặt nông thôn ngày càng được đổi mới.

Tạo được sự đồng thuận cao đối với việc *“Chung sức xây dựng nông thôn mới”* trong cán bộ đảng viên và nhân dân. MTTQ và các đoàn thể nhân dân đã phát huy tốt sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân cùng với các cấp ủy đảng, chính quyền chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia quản lý nhà n­ước, quản lý xã hội.

**2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

***2.1. Tồn tại, hạn chế***

- Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới chưa đa dạng, phong phú, hoạt động tuyên truyền trực quan về NTM còn hạn chế.

- Việc huy động, sử dụng nguồn lực để triển khai thực hiện xây dựng NTM của một số xã còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Một số xã còn gặp khó khăn trong huy động nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới, phụ thuộc lớn vào nguồn vốn từ đấu giá quyền sử dụng đất.

- Một số tiêu chí NTM của xã mới hoàn thành ở mức sàn, độ bền vững chưa cao như: Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá, tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất, tiêu chí số 16 về văn hoá, tiêu chí số 17 về môi trường, tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

- Công tác lập đề án xây dựng nông thôn mới của các xã còn có nội dung chưa sát thực tế, còn phải điều chỉnh bổ sung.

- Một số xã khi bắt đầu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có xuất phát điểm thấp đặc biệt là hạ tầng, do đó ngân sách nhà nước phải tập trung hỗ trợ nhiều.

- Một số xã còn khó khăn trong việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, giải quyết việc làm, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho nhân dân, đặc biệt là thực hiện mô hình phát triển sản xuất. Chưa chú trọng đúng mức để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, giảm nghèo, phát triển văn hóa, cải thiện môi trường,...

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số xã có thời điểm chưa quyết liệt, như: chỉ đạo làm đường giao thông nông thôn, xây dựng các mô hình phát triển sản xuất; nhiều tiêu chí các xã đăng ký phấn đấu hoàn thành trong năm nhưng không có giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện nên không đạt được.

- Hạ tầng kỹ thuật thời gian qua cũng đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu sản xuất. Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Sản xuẩt nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa phát triển.

***2.2. Nguyên nhân***

***a) Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa liên tục và sâu rộng. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ và thiếu toàn diện, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư từ ngân sách Nhà nước; chưa phát huy hết sức mạnh của cộng đồng dân cư tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Trong quá trình triển khai thực hiện một số cơ quan, đơn vị chưa tích cực giúp các xã tháo gỡ vướng mắc, khó khăn; một số UBND các xã chưa phản ánh kịp thời những bất cập về các cơ quan chuyên môn, UBND, Ban chỉ đạo huyện để giải quyết.

***b) Nguyên nhân khách quan***

- Để đạt được các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, phải huy động kinh phí rất lớn; trong khi đó nguồn ngân sách hỗ trợ và huy động nội lực của cộng đồng dân cư, còn một số hạn chế.

- Những năm qua thời tiết diễn biến phức tạp, khó khăn về thị trường vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm làm cản trở các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Quá trình công nghiệp hóa đã thu hút một lượng lớn lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ đặc biệt là lao động trẻ, dẫn đến thiếu lực lượng sản xuất nông nghiệp.

**3. Bài học kinh nghiệm**

*Thứ nhất:* Phải làm tốt công tác tuyên truyền để mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn mục đích ý, nghĩa của xây dựng NTM. Xác định rõ người dân là chủ thể để xây dựng NTM và đối tượng hưởng lợi chính là cộng đông dân cư khu vực nông thôn, nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và có cơ chế hỗ trợ một phần.

*Thứ hai:* Thực hiên tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, dân chủ từ việc xây dựng đồ án quy hoạch đến xây dựng đề án, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện. Đặc biệt phải công khai minh bạch rõ các nguồn vốn để nhân dân được biết và chủ động tham gia đóng góp, thực hiện tốt vai trò giám sát cộng đồng.

*Thứ ba:* Để xây dựng nông thôn mới đạt kết quả phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Đặc biệt là vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân để truyên truyền vận động. Phải có phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi tổ chức đoàn thể đứng ra nhận một công việc cụ thể để chỉ đạo cơ sở thực hiện xây dựng nông thôn mới. Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

*Thứ tư:* Phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, khuyến khích, huy động tối đa sự hỗ trợ, đóng góp của doanh nghiệp, cá nhân tạo nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới; thường xuyên thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới*” để khích lệ mọi tầng lớp nhân dân tham gia hiến đất, tài sản và đóng góp công sức, kinh phí... xây dựng nông thôn mới.

*Thứ năm:* Tập trung công tác đào tạo đội ngũ cán bộ trong xây dựng nông thôn mới**:** Chú trọng công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ chuyên trách nông thôn mới, bí thư chi bộ, trưởng thôn; thường xuyên tập huấn ngắn hạn, bồi dưỡng nhân dân, nông dân về mục tiêu thực hiện và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nông thôn mới; các kỹ thuật sản xuất mới, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để người dân tiếp thu và ứng dụng được trình độ khoa học kỹ thuật mới.

*Thứ sáu:* Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới, coi đây là việc làm thường xuyên, liên tục. Gắn trách nhiệm của tập thể, cá nhân người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Kịp thời biểu dương, nhân rộng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, cách làm hay, sáng tạo trong tham gia xây dựng nông thôn mới.

**VI. MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN LẠNG GIANG**

**1. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị; làm đường giao thông nông thôn**

- Trong giai đoạn 2011-2019, Lạng Giang đã có sự tập trung cao trong chỉ đạo về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; phát huy tốt nội lực, tranh thủ huy động các nguồn vốn của cấp trên để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống điện, đường, trường học, trạm y tế, kênh mương..., góp phần thúc đẩy kinh tế- xã hội của huyện phát triển. Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch hệ thống đường giao thông vận tải của huyện đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Nhiều tuyến đường giao thông được đầu tư nâng cấp, cải tạo, làm mới; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi cơ bản diện mạo giao thông trên địa bàn huyện.

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách và vốn huy động của nhân dân, đến hết năm 2018 đã nâng cấp được 05 các tuyến đường huyện lên thành đường cấp V; trên 85% đường xã quản lý được bê tông hóa; làm tốt công tác quản lý và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn. Trong giai đoạn 2017-2019, huyện đã tổ chức huy động các nguồn lực tổ chức cứng hóa được trên 580 km đường giao thông nông thôn; đưa tổng số km đường được làm mới, mở rộng trong 9 năm xây dựng nông thôn mới là 1159,7 km. Tập trung làm mới, cải tạo một số tuyến đường trọng điểm của huyện để tạo tiền đề phát triển kinh tế- xã hội của huyện : Đường nội thị thị trấn Kép; đường Hố Cát, Trần Cung, Trần Cảo, Nguyễn Xuân Lan, Nguyễn Trãi thị trấn Vôi; Giỏ- Mỹ Thái; Vôi- Phi Mô - Mỹ Thái; Nghĩa Hưng- Tân Thanh- Dương Đức; tuyến đường BT Vôi- Xương Lâm; Nghĩa Hòa- thị trấn Kép mở rộng với tổng kinh phí đấu tư trên 800 tỷ đồng.

**2**. **Sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao đạt được nhiều kết quả**

 Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng chuỗi giá trị trong liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện có kết quả kế hoạch dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu *(đã thực hiện dồn đổi được 990,38 ha đất nông nghiệp; xây dựng được 18 cánh đồng mẫu, với diện tích 678ha)*. Quan tâm hỗ trợ phát triển sản xuất rau chế biến tập trung, phát triển nhãn hiệu tập thể *“Nấm Lạng Giang”.* Đẩy mạnh diện tích rau chế biến, rau an toàn theo hướng VietGap duy trì ổn định từ 550- 600 ha/năm. Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp năm 2017 đạt 108,5 triệu đồng. Quan tâm chỉ đạo phát triển chăn nuôi quy mô công nghiệp, an toàn dịch bệnh; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và nhân rộng các mô hình chăn nuôi sạch theo tiêu chuẩn VietGap đem lại hiệu quả cao. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 2.215 tỷ đồng, tăng 5,5%; tỷ trọng chăn nuôi chiếm 53% tổng giá trị ngành nông nghiệp. Trên địa bàn huyện đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung, có sự kiên kết sản xuất và theo hướng chuyên canh cây trồng; định hình được các cây trồng chủ lực tập trung đầu tư hỗ trợ mở rộng.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết số 130-NQ/TU, ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hằng năm, có kế hoạch hỗ trợ kinh phí xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn; góp phần từng bước làm thay đổi nhận thức, tư duy, phương thức sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, thu nhập của người dân*.* Trong giai đoạn 2011-2019, kết hợp các nguồn vốn hỗ trợ, cùng với ngân sách của huyện đã đầu tư trên 20 tỷ cho cơ chế hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư làm nhà màng, nhà lưới, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; xây dựng cánh đồng mẫu*.*

**3. Xây dựng trường học đạt chuẩn, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa, các thiết chế văn hóa tại khu dân cư**

UBND huyện đã quan tâm đầu tư, đồng thời chỉ đạo các xã thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng chuẩn và hiện đại. Vì vậy, cơ sở vật chất trường lớp học của huyện ngày càng được tăng cường, cảnh quan sư phạm các trường xanh, sạch, đẹp; đồ dùng, trang thiết bị dạy học được bổ sung thường xuyên đảm bảo yêu cầu dạy và học. Công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng phòng học, phòng chức năng kiên cố, cao tầng đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ phòng học kiên cố, cao tầng trong toàn huyện là: 93,4% (mầm non: 85,6%, tiểu học: 91,6%, trung học cơ sở: 97,8%, trung học phổ thông: 98,9%).

Giai đoạn 2011-2019, toàn huyện đã huy động các nguồn vốn cải tạo, nâng cấp được 72 trường, hỗ trợ thành lập 39 cơ sở giáo dục mầm non tư thục với 50 nhóm trẻ độc lập tư thục đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương và con em công nhân tại các cụm công nghiệp trên địa bàn. Tổng nguồn vốn đầu tư gần 300 tỷ đồng trong 9 năm để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy học; đáp ứng cho nhu cầu xây dựng trường học đạt chuẩn theo quy định. Nhờ vậy đến nay huyện Lạng Giang đã có 66/72 trường đạt chuẩn (tăng 19 trường so với năm 2011), các trường còn lại cơ sở vật chất cũng đều cơ bản đạt chuẩn.

Để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng cao của người dân, huyện đã đồng bộ tiến hành chỉ đạo đầu tư nâng cấp, cải tạo xây dựng nhiều hạng mục cơ sở vật chất văn hóa. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về địa điểm nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao để tổ chức các hoạt động thể thao phục vụ đông đảo các tầng lớp nhân dân. Trong giai đoạn 2011-2019, ngân sách các cấp cùng với lồng ghép các nguồn hỗ trợ và xã hội hóa người dân đã đầu tư gần 120 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn xã hội hóa trên 40 tỷ đồng) để xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa 21 nhà văn hóa xã, 151 nhà văn hóa thôn, 20 khu thể thao xã và 28 khu thể thao thôn. Các thiết chế văn hóa không ngừng được đầu tư, quan tâm. Đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ; duy trì và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; tích cực xây dưng môi trường văn hóa.

**4. Ban hành các cơ chế và thực hiện huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới hiệu quả**

Cùng với chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, UBND huyện đã ban hành nhiều chương trình, cơ chế hỗ trợ góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới như: Hàng năm hỗ trợ trực tiếp cho các xã xây dựng nông thôn mới mỗi xã 500 triệu đồng, riêng năm 2012 là 1 tỷ đồng/xã; giai đoạn 2016-2019, mỗi xã là 2,5-3 tỷ đồng; ban hành Kế hoạch số 117/KH-UBND, ngày 29/11/2011 về phát triển sản xuất nấm năm 2012, với cơ chế hỗ trợ 40% giá giống; Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 13/01/2012 về phát triển sản xuất lúa chất lượng giai đoạn 2012-2014 với cơ chế hỗ trợ 10.000 đồng/kg thóc giống; Kế hoạch số 78/KH-UBND, ngày 14/9/2012 về việc mở rộng diện tích sản xuất lạc vụ đông, giai đoạn 2012-2014 với cơ chế hỗ trợ 18 kg lân super/sào; Đề án số 01/ĐA-UBND, ngày 22/8/2013 về việc phát triển sản xuất nấm huyện Lạng Giang, giai đoạn 2013-2015 với cơ chế hỗ trợ: Xây dựng mới nhà lán quy mô từ 100 m2 đến dưới 300 m2 là 3 triệu đồng/nhà lán, hỗ trợ 60 % giá giống nấm các loại, hỗ trợ các hộ xây dựng lò hấp khử trùng 15 triệu đồng/lò; Kế hoạch số 48/KH-UBND, ngày 30/12/2013 về thực hiện dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu trên địa bàn huyện Lạng Giang, giai đoạn 2014-2016, với cơ chế hỗ trợ 4 triệu đồng/ha diện tích dồn điền, đổi thửa; hỗ trợ 60% giá giống lúa lai, 10.000 đồng/kg giống lúa chất lượng và 5.000.000 đồng/ha sản xuất rau chế biến tại các cánh đồng mẫu; Kế hoạch số 79/KH-UBND về thực hiện Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn, với cơ chế hỗ trợ 10% kinh phí làm đường giao thông nông thôn; hàng năm UBND huyện chủ động bố trí một phần ngân sách hợp lý cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Trong giai đoạn 2017- 2019, bên cạnh thực hiện nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn, huyện Lạng Giang xây dựng cơ chế riêng để đẩy mạnh cứng hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn, cụ thể đối với các tuyến đường trục thôn, liên thôn, đường giao thông nông thôn có tính chất nội đồng, có mặt đường cứng hóa từ 3,5 đến dưới 4,5 m được hỗ trợ 100 triệu đồng/km; đoạn đường có mặt đường cứng hóa từ 4,5m trở lên được hỗ trợ thêm 200 triệu/km để mua vật lệu cát, đá, sỏi. Đối với các xã về đích trong năm, được trích từ ngân sách huyện hỗ trợ 100% xi măng để cứng hóa đường nội thôn. Để đẩy mạnh việc cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa thôn, đấp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng và theo quy định của Trung ướng, huyện hỗ trợ thêm 100 triệu cho sửa chữa, 150 triệu/nhà cho xây mới. Đồng thời trong giai đoạn 2016-2020, thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Lần thứ XXI, nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất trong nông nghiệp; huyện đã xây dựng cơ chế hỗ trợ làm nhà màng, nhà lưới (hỗ trợ 300 triệu/nhà); hỗ trợ đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nấm (hỗ trợ đầu tư nhà lạnh trồng nấm cho 02 HTX Hưng Vương, Nghĩa Hưng, HTX Tiên tiến, Tiên Lục); đẩy mạnh hỗ trợ các mô hình sản xuất nông nghiệp khác có ứng dụng công nghệ cao (hỗ trợ 7 mô hình về chăn nuôi gà theo quy trình chuồng khép kín, mô hình cây ăn quả áp dụng tưới nhỏ giọt, khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, mô hình nhà lưới sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP). Bên cạnh đó đa dạng hóa, lồng ghép các nguồn, tăng cường chỉ đạo các giải pháp tăng thu ngân sách để đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng đồng bộ cho phát triển kinh tế - xã hội.

**Phần thứ ba**

**KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ**

**I. QUAN ĐIỂM**

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để phát triển nông nghiệp bền vững; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**II. MỤC TIÊU**

- Trên cơ sở kết quả đã đạt được, tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; gắn việc duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới với thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự xã hội và văn minh nông thôn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Tiếp tục quan tâm phát triển văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới. Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tích cực cải thiện chất lượng môi trường, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và từng bước phấn đấu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới với phương châm phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện có từ 3-5 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng được 25-30 thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Tập trung đưa chương trình Nông nghiệp công nghệ cao, mô hình liên kết "4 nhà" nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản xuất trong nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, dịch vụ gắn với phát huy tiềm năng, khơi dậy các giá trị văn hóa truyền thống; góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

**III. NỘI DUNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới tại các xã**

**a) Về quy hoạch:** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế và điều kiện thực tế địa phương; triển khai thực hiện tốt quản lý quy hoạch, đề án đã được phê duyệt.

**b) Về hạ tầng kinh tế - xã hội**

***- Giao thông:*** Tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tuy thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành Luật Giao thông đường bộ, không vi phạm hành lang an toàn giao thông, từ đó xây dựng được nét đẹp văn hóa trong tham gia giao thông.

***- Thủy lợi:*** Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đầu tư cứng hóa các tuyến kênh mương do xã quản lý, đặc biệt tập trung vào các vùng ứng dụng công nghệ cao, vùng định hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

***- Trường học:*** Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, mở rộng quy mô để đáp ứng nhu cầu dạy và học theo quy định và đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục. Nâng cao chất lượng chất lượng dạy học. Quan tâm công tác tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường các trường học, xây dựng nề nếp trong giảng dạy và học tập.

**c) Văn hóa, y tế, môi trường**

*- Về văn hóa:* Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các thôn cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; Bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử, văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện bằng việc thường xuyên kết nối có hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện.

*- Về y tế:* Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã. Nâng cao cơ sở hạ tầng và chất lượng khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện. Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng cơ chế khuyến khích để thu hút bác sỹ giỏi về làm việc tại Bệnh viện Đa khoa huyện nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

*- Về môi trường:*

+ Tiếp tục thực hiện tốt việc thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện theo quy định: Sau khi tỉnh hoàn thiện nhà máy xử lý rác thải *(dự kiến năm 2020 sẽ vận hành chính thức),* thì toàn bộ lượng rác thải trên địa bàn huyện sẽ được vận chuyển về nhà máy xử lý rác thải của tỉnh để xử lý.

+ Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong tham gia bảo vệ môi trường; thực hiện tốt việc phân loại rác tại hộ gia đình, dần tiến tới hạn chế sử dụng túi nilon, không trường phát sinh các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, cùng chung tay xây dựng một môi trường sống lành mạnh. Các tổ chức Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị -xã hội huyện, xã phát huy vai trò nòng cốt, tích cực vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, thường xuyên triển khai làm tốt cuộc vận động "*xây dựng làng xã sáng-xanh-sạch-đẹp"* của Đoàn Thanh niên, phong trào “*5 không 3 sạch*” của Hội Phụ nữ, phong trào *“Ngày chủ nhật xanh”* vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

**d) Kinh tế và tổ chức sản xuất**

- Thực hiện tốt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa, phát huy hiệu quả, nâng cao giá trị sản xuất trên cánh đồng mẫu; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực: Lúa chất lượng cao, nấm, rau củ quả ứng dụng công nghệ cao…

**đ) Hệ thống chính trị, an ninh trật tự**

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã.

- Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự xã hội như trấn áp tội phạm, răn đe, giáo dục giảm thiểu tệ nạn xã hội.

**2. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí cấp huyện và định hướng xây dựng huyện NTM kiểu mẫu**

**a) Về nâng cao chất lượng các tiêu chí cấp huyện:** 100% các tuyến đường huyện được duy tu thường xuyên; nâng tỷ lệ kênh mương liên xã được cứng hóa đạt 70%. Hình thành vùng sản xuất tập trung rau củ quả với diện tích 300-400 ha được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap có liên kết sản xuất; Phát triển chuỗi liên kết trong phát triển sản xuất phấn đấu 30% diện tích sản xuất nông nghiệp chủ lực trên địa bàn huyện có chuỗi liên kết phát triển sản xuất.

**b) Về định hướng xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu**

Hiện nay, Trung ương đang chỉ đạo xây dựng thí điểm 04 huyện nông thôn mới kiểu mẫu (huyện Hải Hậu - Nam Định; huyện Nam Đàn - Nghệ An; huyện Đơn Dương - Lâm Đồng; huyện Xuân Lộc - Đồng Nai). Trong thời gian tới, huyện Lạng Giang sẽ tổ chức các đoàn công tác đến các huyện này để nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, từ đó định hướng xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu ngay từ năm 2020, trong đó xác định chủ đề huyện NTM kiểu mẫu theo hướng *“phát triển hạ tầng sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân”*.

**IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới**

- Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Đúc kết, nhân rộng các phong trào quần chúng trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới mang tính thực chất, đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, có tác dụng tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

- Vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở hài hòa lợi ích, huy động phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tính tự giác, tự nguyện của người dân. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của nhân dân tham gia giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới; tham gia bảo quản tốt các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn.

**2. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn**

- Ưu tiên triển khai công tác lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình nông thôn mới để phát huy hiệu quả đầu tư. Tập trung huy động có hiệu quả nguồn lực từ đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để lại cho xã đầu tư thực hiện nông thôn mới; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tỉnh Bắc Giang. Chủ động cân đối, bố trí lồng ghép, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên hỗ trợ thực hiện các tiêu chí có thể tạo nên sự phát triển đột phá với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Bên cạnh đó cần tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch hằng năm; đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo lộ trình đã đề ra.

- Tiếp tục hướng dẫn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, giữa các doanh nghiệp và ngân hàng, nhất là trong việc xác định những ngành, hàng cần ưu tiên đầu tư vốn; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng cao chất lượng của công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 14/4/2018 của Chính phủ. Thực hiện xã hội hoá đầu tư các công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác, nhất là đối với các cồng trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, liên kết trong sản xuất. Phát huy hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới theo hướng giữ vững và nâng cao các tiêu chí, đặc biệt là về hạ tầng cơ sở.

- Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của, quyền sử dụng đất ... để góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình. Cần xác định huy động sức dân xây dựng nông thôn mới là hướng đi cơ bản, lâu dài. Chú trọng tuyên truyền vận động để tận dụng sự ủng hộ của những người con xa quê có điều kiện hoặc những người đi xuất khẩu lạo động. Tạo mối liên kết “4 nhà” trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn: Doanh nghiệp làm “bà đỡ” tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, Nhà nước có chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm do nông dân làm ra, nhà khoa học tích cực đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để có sản phẩm chất lượng cao tiêu thụ được trên thị trường.

**3. Phát triển công nghiệp, xây dựng**

- Đẩy mạnh việc quảng bá, xúc tiến thương mại để thu hút các nguồn lực đầu tư vào công nghiệp, xây dựng. Tập trung hoàn thiện đồng bộ hạ tầng các cụm công nghiệp, tạo điều kiện, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư vào địa bàn. Xác định công tác giải phóng mặt bằng là nhiệm vụ trọng tâm, tạo tiền đề cho phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị. Có cơ chế đặc thù phù hợp để huy động nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng và thúc đẩy thu hút đầu tư phát triển trên các lĩnh vực: dịch vụ vận tải; kho vận; trạm dừng nghỉ; thương mại, chợ đầu mối; đô thị,... Ưu tiên phát triển hệ thống giao thông nội thị và các tuyến giao thông kết nối vùng.

- Đảm bảo an ninh trật tự, giải quyết tốt các vấn đề về an sinh xã hội; các nhu cầu cấp thiết và đòi hỏi đồng bộ với phát triển công nghiệp như: dịch vụ, thương mại; hệ thống giao thông, nước sạch, y tế, giáo dục, môi trường...

**4. Phát triển Thương mại, dịch vụ**

- Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới kinh doanh thương mại, các loại hình dịch vụ, bảo đảm lưu thông hàng hoá, từng bước hình thành chợ đầu mối, tiêu thụ nông sản và cung ứng hàng hoá tiêu dùng cho khu vực nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút đầu tư xây dựng khu dịch vụ tổng hợp Tân Dĩnh. Tổ chức mô hình quản lý phù hợp, bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống chợ; hoàn thành đầu tư nâng cấp, cải tạo 100% số chợ nông thôn trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn bán, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng. Khuyến khích thu hút đầu tư phát triển các điểm du lịch như: Hồ Hố Cao (Hương Sơn), Cây Dã Hương (Tiên Lục)...

- Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các Hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, nhằm trang bị các điều kiện cần thiết để thích ứng và phát triển với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**5. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

- Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất; xây dựng cánh đồng mẫu, áp dụng khoa học - công nghệ và cơ giới hóa vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản. Quy hoạch và phát triển những vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nhất là những vùng chuyên trồng lúa 800-1000 ha (An Hà, Nghĩa Hòa, Đào Mỹ, Tân Hưng, Mỹ Thái, Xương Lâm, Tân Thịnh, Hương Lạc) và 500-600 ha rau màu *(tại các xã* An Hà, Tân Thịnh, Đào Mỹ, Nghĩa Hòa, Hương Lạc, Mỹ Thái, Thái Đào, Quang Thịnh, Tiên Lục)...vùng nuôi trồng thủy sản ở những vùng có lợi thế *(xã Xuân Hương, Thái Đào, Đại Lâm, Mỹ Thái)*; từng bước xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp như: Rau củ quả, Hoa chất lượng cao, nấm, chanh, bưởi, lúa chất lượng,...

- Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn; ưu tiên đầu tư cứng hóa và hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống các công trình thuỷ lợi.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế chính sách về tín dụng ưu đãi phát triển nông nghiệp-nông thôn; thực hiện tốt liên kết "4 nhà”; tăng cường quản lý, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm hàng nông sản; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, đảm bảo cho người lao động nông thôn có thu nhập tốt, đời sống ổn định. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn; thực hiện lồng ghép các chương trình, chính sách về nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững.

**6. Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:**

Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trước hết là đất đai, nguồn nước. Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, khắc phục và xử lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt trên 80%); tỷ lệ thu gom chất thải rắn nông thôn đạt 100%, tỷ lệ chất thải rắn nông thôn thu gom được xử lý đạt 100%.

### 7. Phát triển giáo dục và đào tạo

Thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI), trong đó chú trọng đổi mới công tác quản lý và xây dựng đội ngũ giáo viên. Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường; khuyến khích phát triển nhóm trẻ gia đình, tạo điều kiện cho tư nhân mở các trường tư thục trên địa bàn huyện, nhất là địa bàn khu, cụm công nghiệp. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn; hoàn thành xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao Trung học cơ sở thị trấn Vôi, trường điểm tại Tiểu học thị trấn Vôi. Tăng cường các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, chú trọng tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; chủ động phân luồng học sinh sang đào tạo nghề ở bậc THCS và THPT. Hỗ trợ tích cực cho công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

### 8. Văn hóa, Thông tin, Thể dục và Thể thao

Tập trung xây dựng con người văn hoá và lối sống, môi trường văn hoá lành mạnh. Nâng cao chất lượng Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”,* trọng tâm là việc cưới, việc tang, văn minh thôn xóm và nơi công cộng. Huy động các nguồn lực để xây dựng các thiết chế văn hoá; bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch; nâng cao chất lượng hoạt động của các nhà văn hoá; tăng cường xã hội hoá xây dựng hạ tầng văn hoá - thể thao: sân chơi, bãi tập, các thiết chế văn hóa; nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho nhân dân. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý di tích, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hoá, dịch vụ viễn thông. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá- thể thao, quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn. Củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở. Có cơ chế hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ thể thao, nhất là đối với những câu lạc bộ và vận động viên thi đấu thành tích cao.

**9. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân**

- Bố trí nguồn lực đầu tư y tế, tăng cường xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở. Hoàn thiện hệ thống trạm y tế xã, nâng cấp hạ tầng Trung tâm Y tế huyện.

- Tích cực triển khai lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về Bảo hiểm y tế nhất là tới các đối tượng thuộc diện tham gia; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ cho người dân tham gia Bảo hiểm y tế, nhất là hộ gia đình cận nghèo; vận động để học sinh, sinh viên, hộ gia đình có mức sống trung bình mua Bảo hiểm y tế, góp phần tăng tỷ lệ người tham gia Bảo hiểm y tế …

**10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò các tổ chức chính trị - xã hội**

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng, xác định rõ nội dung trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, tránh dàn trải. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sức chiến đấu và năng lực định hướng của các cấp ủy trong công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng để các tổ chức đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới. Làm tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nêu cao tinh thần trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới. Đưa nội dung xây dựng nông thôn mới thành tiêu chí thi đua hằng năm của các đơn vị, địa phương. Mạnh dạn đề bạt, luân chuyển, khen thưởng, phê bình, kiểm điểm, kỷ luật cán bộ, đảng viên một cách kịp thời để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đề ra.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động và tích cực tham gia thực hiện một số tiêu chí nông thôn mới. Phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*. Phát huy hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng chất đội ngũ cán bộ, nhất là ở cấp xã đạt chuẩn; xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị có năng lực hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới.

Trên đây là Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2019. UBND huyện Lạng Giang kính trình UBND tỉnh Bắc Giang thẩm tra; đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Lạng Giang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ Nông nghiệp và PTNT;- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;- UBND tỉnh Bắc Giang;- BCĐ xây dựng NTM tỉnh;- Các Sở,Ngành, Đoàn thể của tỉnh;- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;- TT. Huyện ủy, TT. HĐND, UBND huyện;- Lưu: VT.***Bản điện tử:***- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;- Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện;- UBND các xã, thị trấn;- LĐVP, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Sỹ** |

1. Huyện đã đầu tư xây mới 268 phòng học (Mầm non: 157, Tiểu học: 61, Trung học cơ sở: 50), 195 phòng chức năng (Mầm non: 62, Tiểu học: 48, Trung học cơ sở: 85) với 198.850 triệu đồng; sửa chữa, cải tạo 286 phòng học (Mầm non: 62, Tiểu học: 108, Trung học cơ sở :116), 98 phòng chức năng (Mầm non: 12, Tiểu học: 36, Trung học cơ sở: 50) với 25.890 triệu đồng; xây mới, sửa chữa 112 nhà để xe (Mầm non: 46, Tiểu học: 34, Trung học cơ sở: 32) với số tiền 5.760 triệu đồng, xây mới, sửa chữa 190 nhà vệ sinh (Mầm non: 128, Tiểu học: 36, Trung học cơ sở: 26) với số tiền 11.680 triệu đồng; mua mới 781 máy vi tính với số tiền 9.372 triệu đồng; mua mới 287 máy in, máy chiếu, máy photo,... với số tiền 6.750 triệu đồng; mua mới 585 bộ đồ dùng dạy học, với số tiền 6.750 triệu đồng. Tu sửa sân, tường bao, khuôn viên trường với số tiền 22.480 triệu đồng, số tiền xã hội hóa để bổ sung cơ sở vật chất là 26.140 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-1)